

南無阿彌陀佛

Namo Amitābha
NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT



NIỆM PHẬT

Dẫn đi khỏi Luân hồi

Cư sĩ Lý Lâm Quý

NIỆM PHẬT

Dẫn đi khỏi Luân hồi

Bản tu chính 2012 - Phật lịch 2556

Printed and donated for free distribution by
The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation
11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.
Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415
Email: overseas@budaedu.org
Website: <http://www.budaedu.org>
Mobile Web: m.budaedu.org

This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.
KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN



Lời tựa

Đức Phật nói: “*Thân người khó được*”, khó như người đứng trên núi Tu-di, cầm sợi chỉ thòng xuống xỏ vào lỗ kim. “Phật pháp khó được nghe”, khó như bài kệ khai kinh nói: “*Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ*”. May thay! Chúng ta nhờ chút thiện căn phước đức đời trước, nay được thân người, lại có nhân duyên gặp được Phật pháp, nhất là gặp được pháp môn niệm Phật khó tin này, mà vui mừng tín thọ phụng hành, chắc chắn là nhiều đời nhiều kiếp, chúng ta đã có gieo trồng pháp môn Tịnh độ. Thân này chẳng tính đời này độ, còn đợi bao giờ mới độ thân.

Theo đức Phật nói, chúng sanh tuy có Phật tánh, nhưng vì vô thủy một niệm sai lầm, từ mê tích mê, trải qua trần kiếp, vô lượng vọng tưởng phiền não, che lấp đi tự tánh. Vì lân mẫn chúng sanh, nên đức Thế Tôn mới nói tám mươi bốn ngàn pháp môn, làm phương tiện đối trị, để quy hồi lại bản tánh, thoát ly trường kiếp sanh tử, viên thành Phật đạo mà thôi. Pháp môn tuy có vô lượng, đại cương có năm tông: Thiên, Giáo, Luật, Mật, Tịnh. Thiên là Phật tâm, Giáo là Phật ngữ, Luật là Phật thân, Mật là Phật ý, Tịnh là Phật thổ. Thiên, Giáo, Luật, Mật đều hướng về Tịnh làm quy túc. Tịnh là Phật thổ (cõi Phật), ví như trăm ngàn dòng sông cùng chảy về biển cả.

Như trên pháp hội Hoa Nghiêm là một pháp hội lớn nhất và viên mãn nhất trong một đời giáo hóa của đức Thế Tôn. “Hoa Nghiêm” cũng là vua trong các kinh. Sau cùng, Phổ Hiền đại Bồ-tát khuyên tấn Thiện Tài cùng bốn mươi một vị pháp thân Bồ-tát trong Hoa Tạng Hải Hội, lấy công đức mười đại nguyện vương, hồi hướng vãng sanh Tây phương Cực lạc thế giới.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa cũng là bộ kinh

căn bản pháp luân, trong Phẩm Dược Vương, đức Phật Thích-ca nói: *“Người y theo kinh này mà tu hành, sau khi mạng chung, liền sanh qua cõi Cực lạc của đức Phật A-di-đà”*.

Đến như Trí Giả đại sư, là vị sáng lập Thiên Thai tông, tương truyền ngài là đức Thích-ca hóa thân, trứ tác Thập Nghi Luận, chuyên chí về Tây phương. Và ngài Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền sư, sự ký ngài là đức Di-đà thị hiện, làm kệ Tứ Liệu Giản, một đời niệm Phật, quy tâm Tịnh độ. Cho đến các bậc cao Tăng cận đại, như Hư Vân Hòa thượng bên Thiền tông, Thái Hư đại sư bên Duy Thức tông, Hoàng Nhất đại sư bên Luật tông. Các ngài tuy tu tông phái khác, nhưng cũng cực lực khuyến tu niệm Phật, khen ngợi công đức Di-đà, xưng dương pháp môn Tịnh độ, cùng các bậc danh sơn Đại đức tu hành xưa nay, lấy Bát nhã làm tông, đến cuối đời cũng lấy Tịnh độ làm quy túc. Sở dĩ Cổ đức có câu: *“Giáo tông Bát nhã, hành tại Di-đà”*. Cho đến thiên kinh vạn luận đồng tuyên dương, thập phương chư Phật cùng tán thán.

Nay Huệ Quảng tôi nương nhờ hồng ân Tam Bảo gia hộ, trích lục thêm vài hàng pháp ngữ của

Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật cùng chư Thánh Tăng truyền lại, chia sẻ với quý liên hữu, không ngoài mục đích, để khuyên nhau vững niềm tín nguyện càng sâu thiết, tinh tấn niệm Phật thêm hơn. Nguyện cho thân này kiếp này, là thân chót kiếp chót nơi cõi Ta bà, mong sao đến ngày cuối của cuộc đời, cùng theo Từ phụ A-di-đà Phật về miền an dưỡng, biệt ly sanh tử, không còn lang thang nơi nẻo luân hồi khổ đau. Đó là tâm nguyện của Huệ Quảng. Quyển sách này, nếu có chỗ sai sót, Huệ Quảng xin sám hối, bởi bản thân túc nghiệp sâu dày, là kẻ phàm nhân. Ngưỡng mong các bậc Tôn túc cùng Thiện tri thức từ bi hoan hỷ chỉ giáo cho hàng hậu học, chúng con xin vô vàn cảm tạ.

Sau hết, con xin thành kính đê đầu đánh lễ giác linh Tôn sư Hòa thượng Thích Thiên Tâm. Ngài là một vị cao Tăng cận đại có công rất lớn hoằng dương pháp môn Tịnh độ. Con thành kính tri ân Hòa thượng Thích Trí Hải trụ trì chùa Linh Sơn, đã tạo rất nhiều cơ hội cho con được kết duyên cùng Phật pháp. Và thành kính tri ân Thượng tọa Thích Chân Tính, trụ trì chùa Hoàng

Pháp, đã hỗ trợ việc xin phép in ấn quyển sách này. Cùng tri ân đạo hữu Phan Ngọc Quyển đã hết lòng giúp đỡ tôi hoàn thành bản in này.

Nam Mô A-di-đà Phật!

Ngày Khánh đản Quan Thế Âm Bồ-tát

Bản tu chính 2012 - Phật lịch 2556

**Sám hối Tịnh nghiệp học nhân Lý Lâm Quý
Pháp danh Huệ Quảng**

KÍNH LỤC

Kinh Đại Bảo Tích

Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật bạch cùng Phụ vương rằng: *“Tất cả chúng sanh đều là Phật, Phụ vương nên niệm Tây phương thế giới A-di-đà Phật, thường siêng tinh tấn sẽ được thành Phật”*. Vương hỏi: *“Thế nào tất cả chúng sanh là Phật?”* Đức Bốn sư giảng: *“Tất cả quyết vô sanh, không động lai, không thủ xả, không tướng mạo, không tự tánh, nên an trụ tâm mình trong Phật pháp này, chớ tin nơi khác”*.

Kinh Đại Tập

Đức Thế Tôn đã có huyền ký: *“Trong thời mạt pháp, ỨC ỨC người tu hành, khó có một người đắc đạo, chỉ nương theo pháp môn niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi”*.

Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát phát nguyện kệ

Nguyện ngã mạng chung thời
Diệt trừ chư chương ngại
Diện kiến A-di-đà
Vãng sanh Cực lạc quốc
Sanh bử Phật quốc dĩ
Thành mãn chư đại nguyện
A-di-đà Như Lai
Hiện tiền thọ ngã ký
Nghiêm tịch Phổ Hiền hạnh
Mãn túc Văn Thù nguyện
Tận vị lai tế kiếp
Cứu cánh Bồ-tát hạnh

Phổ Hiền Bồ-tát phát nguyện kệ

Nguyện tôi đến lâm mạng chung thời
Trừ hết tất cả những chướng ngại
Diện kiến đức Phật A-di-đà
Liên được vãng sanh nước Cực lạc
Tôi đã vãng sanh Cực lạc rồi
Hiện tiền thành tựu đại nguyện này
Viên mãn tất cả không còn dư
Lợi lạc hết thảy chúng sanh giới
Chúng hội của Phật đều thanh tịnh
Tôi liền thác sanh trong hoa sen
Nhìn thấy Như Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ký tôi thành Phật
Được đức Như Lai thọ ký rồi
Hóa vô số trăm câu chi thân
Trí lực rộng lớn khắp mười phương
Lợi khắp tất cả chúng sanh giới

Sau cùng, Phổ Hiền Bồ-tát hồi hướng bằng
bài kệ:

Nguyện cho mọi loài đồng về Cực lạc
Thắng hạnh Phổ Hiền của tôi đây
Thắng phước vô biên đều hồi hướng
Nguyện cho những chúng sanh trôi chìm
Mau sanh cõi Vô Lượng Quang Phật
Bồ-tát vừa dứt lời, đức Bổn sư liền khen
rằng: Thiện tai! Thiện tai!

1. TÂM PHẬT VÀ CHÚNG SANH KHÔNG CÓ KHÁC

Pháp môn niệm Phật, lớn nhỏ đều thâm, lợi độn cùng nhiếp, sự lý viên dung, tánh tướng vô ngại. Tức Phật là tâm, không một tâm nào chẳng phải tâm Phật. Tức tâm là Phật, không một Phật nào chẳng phải Phật tâm. Một niệm tâm thì Phật Phật thể hiện, một niệm Phật thì tâm tâm hiện tiền, ngoài tâm không có Phật, cũng không Phật nào ở ngoài tâm, chúng sanh niệm Phật, Phật ở trong tâm chúng sanh. Phật niệm chúng sanh, chúng sanh ở trong tâm Phật. Tức tâm làm Phật, tức Phật là tâm, tâm không niệm thì Phật chẳng thể làm, Phật không niệm thì tâm chẳng thể hiện. Vì thế nên biết, pháp môn niệm Phật, thật là diệu pháp, kiến tánh thành Phật vậy.

Luận Khởi Tín nói, Phật bản lai là tâm, vì vô minh mà tâm mờ tối. Nếu muốn tâm hiện, tất phải niệm Phật. Nếu không niệm Phật, khó minh tâm vậy. Cho nên Di-đà tức là tự tánh, Tịnh độ chỉ một tâm này, lìa tâm tánh ra, không một pháp có thể được. Nếu nhớ Phật niệm Phật, thì bản lai tánh Phật tự hiện. Ngài Khuê Sơn cũng nói, nay biết tâm là tâm Phật, nhất định làm Phật, đâu phải ngẫu nhiên mà có. Người lìa khỏi pháp môn niệm Phật, mà muốn mau kiến tánh thành Phật, là bỏ cái dễ cái gần, đi cầu cái khó cái xa vậy.

Thế làm sao mà biết tâm Phật và chúng sanh không có khác? Kinh Hoa Nghiêm nói, khi đức Như Lai thành Chánh giác, Ngài thấy tất cả chúng sanh thành Chánh giác, cho đến thấy tất cả chúng sanh nhập Niết bàn. Và đức Phật cũng thường nói, tất cả chúng sanh đều có tánh Phật như Ngài không khác. Tam thế chư Phật chứng tâm Phật này, lục đạo chúng sanh, bản lai là Phật, chỉ vì mê vọng, không chịu tin

Phật, người trí giác ngộ, thấy tánh thành Phật, tâm tâm là Phật, niệm niệm là Phật.

Kinh Vô Lượng Thọ lại nói, chư Phật Như Lai là pháp giới thân, nhập trong tâm tướng tất cả chúng sanh. Tâm này là Phật, tâm này làm Phật. Kinh luận lại nói, Tâm ta cảm Phật ta, Phật ta tất ứng ta, cảm ứng cùng một thời, tâm Phật đồng một thể.

Trong Tịnh độ tông cũng gọi là Liên hoa tông, thường gọi tắt là Liên tông, bạn đồng tu gọi là liên hữu, ở trong các loài hoa, chỉ có loài hoa sen là đặc thù nhất, hoa nở đã có hạt sen, trong hoa có quả, trong quả có nhân, nhân quả đồng thời. Cho nên, nếu hành giả dùng tâm thanh tịnh mà niệm Phật, tất một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, cảm ứng đạo giao, nơi chín phẩm hoa sen, quyết có tên đề. Người tu Tịnh nghiệp, không thể không biết đạo lý này.

Nguyện cùng mọi loài hữu tình, phàm kẻ có tâm, đều niệm Phật thành Phật, tức tâm tức

Phật, niệm Phật tức niệm tâm, tâm Phật vốn không hai.



2. SANH TỬ ĐẠI SỰ

Đức Phật sau khi thành đạo nơi cõi Bồ đề nói rằng: *“Lành thay! Lành thay! Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ Như Lai”*. Vậy tại sao chúng ta ngày nay vẫn còn trong sáu nẻo luân hồi, mê hoặc điên đảo, đầy tham sân si, phiền não, chưa thành Phật? Đức Thế Tôn lại nói: *“Chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được”*. Đã là vọng tưởng thì bản chất của nó, sát na sát na sinh diệt thay đổi vô thường, đâu có thật. Cảnh đời cũng thế, có rồi không, được rồi mất, vui rồi buồn, sum họp rồi lại chia ly v.v... Ở trên thế gian mấy mươi năm, như làn điện chớp, như bóng phù hoa, không luận giàu nghèo, đến khi hơi thở cuối cùng cũng hoàn không. Như Kinh Kim Cang nói:

“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng...Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”. Thế mà phàm phu chúng ta cứ bám lấy, chấp chặt không buông, thì làm sao không trầm luân đau khổ?

Nay muốn hồi phục lại tánh Phật sẵn có đó, đức Phật dạy phải niệm Phật. Tại sao phải niệm Phật? Vì tâm phàm phu không thể không niệm, chỉ có Phật mới vô niệm mà thôi. Nếu không niệm Phật, tất niệm cửu giới, không niệm tam thừa, tất niệm lục đạo, không niệm trời người, tất niệm tam đồ. Kinh nói: *“Tức tâm là Phật, tức tâm làm Phật”*. Cho nên niệm Phật là một pháp môn trực tu tâm pháp, là một pháp môn thẳng về tánh Phật, cũng là pháp môn đồng về của thập phương tam thế nhất thiết chư Phật.

Niệm Phật muốn được chuyên nhất, ra khỏi luân hồi, Đại Thế Chí Bồ-tát dạy: *“Sáu căn đều nhiếp, tịnh niệm nối nhau”*. Muốn được như vậy, đừng để cho sáu căn giông ruổi theo

sáu trần khởi vọng tưởng phân biệt, chấp trước, thì niệm Phật mới được nhất tâm.

Thế thì làm sao mới đến được, thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, cảnh giới nhất tâm niệm Phật? Đây xin kể câu chuyện chia sẻ cùng quý liên hữu.

Lương Võ Đế hỏi ngài Chí Công: “Ông làm sao mà chứng minh được thấy mà không thấy, nghe mà không nghe?” Chí Công nói: “Ông chọn một số tử tội trong ngục ra đây, đem bình dầu đổ trên đầu chúng nó, đi một vòng trong thành, nếu người nào dầu trong bình không bị đổ ra, thì được tha tội tử hình. Còn người nào làm đổ dầu, lập tức xử tử. Sau khi những tử tội trở về, ông sẽ biết ngay thấy mà không thấy, nghe mà không nghe, đó cũng là đạo lý nhất tâm bất loạn vậy.”

Lương Võ Đế nghe lời đề nghị của Chí Công, từ trong ngục dẫn ra một số tù nhân sắp bị tử hình, bảo rằng: “Các người còn muốn sống nữa hay không? Bây giờ cho mạng sống

của các người một cơ hội! Nếu như các người đem bình dầu này để trên đầu, đi một vòng trong thành trở về đây, mà dầu không bị đổ ra, ta sẽ tha tội chết cho các người, và lập tức phóng thích các người. Nếu như dầu đổ ra, sẽ bị hành hình ngay.” Những kẻ tử tội nghe nói mình còn có cơ hội sống lại, rất vui mừng mà ứng chịu ngay.

Khi ấy, Lương Võ Đế cố ý hạ lệnh cho các vị đại thần mở đại hội múa hát khắp toàn thành, dân chúng tụ tập ca hát rất đông đảo. Rồi bảo các tử tội bưng bình dầu để lên đầu rồi bắt đầu đi, từ sáng đến trưa, các tử tội trở về, không có ai làm đổ bình dầu cả. Chí Công thiền sư liền hỏi các vị tử tội: “Hôm nay các người đi ra ngoài có thấy gì không?” Các vị tử tội trả lời, chẳng thấy gì cả! Chí Công lại hỏi, các người lúc đi có nghe gì không? Các vị tử tội trả lời, chẳng nghe gì cả! Lương Võ Đế không tin, bèn hỏi các tử tội: “Hôm nay trong thành hàng ngàn người, nơi nơi đều múa hát tiếng ca,

sao các người nói chẳng thấy chẳng nghe gì cả?” Các tử tội trả lời: “Thật tình chúng tôi chẳng dám nhìn gì và cũng chẳng dám nghe gì hết, bởi mạng sống của chúng tôi, không dễ gì có cơ hội mong được sống lại, còn tâm tư đâu đi coi đi nghe những chuyện ở ngoài, chúng tôi chỉ một lòng một dạ giữ chặt bình dầu đừng cho nó đổ ra, mong sao sớm thoát khỏi cảnh lao tù, để cứu mạng sống.”

Qua câu chuyện trên đây, có thể chứng minh người niệm Phật mà tâm không được thanh tịnh, không được nhất tâm, là tại chúng ta không phải thật vì cầu thoát ly sinh tử. Nếu thức tỉnh con quỷ vô thường sẽ đến với ta trong nay mai, sống chết ở trước mặt, cảnh khổ đau trong địa ngục đang chờ đợi ta, dạ xoa ác quỷ sắp dắt ta đi, khi ấy chỉ có câu A-di-đà Phật được thoát khỏi, thì làm sao chúng ta không một lòng một dạ niệm Phật? Lại với người tử tội cầu sống có khác chi?

Khi xưa, thái tử Sĩ Đạt Ta dạo chơi bốn

cửa thành, cũng vì thấy cảnh già bệnh chết, mà cảm thương đến nỗi khổ của kiếp nhân sanh, cho nên bỏ hoàng cung, xa lìa vợ con mà đi tìm con đường giải quyết vấn đề sinh tử.

Phụng khuyên đại chúng

*Sanh già bệnh chết
Việc lớn trong đời
Kiếp này cho xong
Lỡ mất thân người
Muôn kiếp trầm luân.*



3. NIỆM PHẬT LÀ NHÂN THÀNH PHẬT LÀ QUẢ

Vì diệu của Tịnh tông là lấy quả địa giác, làm nhân địa tâm, Di-đà nhất thừa nguyện hải, lục tự hồng danh, tức là đại giác viên quả hải, lấy quả hải này, làm nhân địa tu hành, từ quả khởi tu, khởi tu tức quả. Nói cách khác, tức là lấy quả vị A-di-đà Phật, đã cần khổ tu hành nhiều đời nhiều kiếp, công đức thành tựu viên mãn rồi, làm nhân gieo vào trong tâm địa của chúng ta, để thành Phật sau này. Vì thế nên trong Kinh Pháp Hoa, đức Phật có nói: “Vì chúng sanh không chịu nhận Phật là cha, cho nên phải chịu nghèo đói, nếu chúng sanh nhận Phật là cha, thì tất cả của cải của Phật đều là của con”. Khi tâm mình niệm câu A-di-đà

Phật, là mở kho báu công đức của Phật để dành trong Như Lai tạng. Cũng thế, tâm tưởng Phật niệm Phật tức là tâm Phật, tâm gieo giống Phật, nhất định thành Phật. Tâm tưởng ma niệm ma, tức là tâm ma, tâm gieo giống ma, nhất định thành ma.

Hành giả tu Tịnh nghiệp cũng nên biết, nếu không niệm Phật, không thể thành Phật. Niệm Bồ-tát, không thể thành Phật, niệm Duyên giác, niệm Thanh văn, không thể thành Phật, niệm Thiên, niệm Nhân, niệm Tu la, đều không thể thành Phật. Chỉ có niệm Phật mới thành Phật. Quán kinh nói, tâm niệm Phật, tâm tức là Phật. Trên hội Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ-tát cũng dạy: *“Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật niệm Phật, hiện tại vị lai, nhất định thấy Phật, chẳng nhờ phương tiện, tự được tâm khai”*. Niệm Phật quả thật là một pháp môn cứu cánh viên mãn, chẳng nhờ phương tiện, chẳng cần tiệm thứ, một câu A-di-đà Phật, trực chỉ tâm Phật.

Nguyện cùng:

Tứ sanh cứu hữu

Đồng đăng an dưỡng Phật sát

Tam đồ bát nạn

Cùng ngật Di-dà nguyện hải.



4. CẢNH TÂY PHƯƠNG CỰC LẠC LÀ THẬT HAY GIẢ?

Căn cứ kinh A-di-đà, đức Thế Tôn bảo ngài Xá Lợi Phất rằng, từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực lạc, trong thế giới đó, có đức Phật hiệu là A-di-đà, hiện nay đang thuyết pháp, rồi Ngài hết lời khuyên bảo chúng sanh phải phát nguyện sanh về cõi đó. Đồng thời, hằng hà sa số chư Phật, hiện ra tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới nói lời thành thật rằng: “Chúng sanh các người phải nên tin kính Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Như Thích Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh Này.”

A-di-đà Phật trong thời tu Bồ-tát đạo, vì

lòng từ bi cứu độ chúng sanh, chẳng những muốn sao cho mọi loài đều thoát khỏi phiền não khổ đau, mà còn muốn cho tất cả chúng sanh có một nơi an vui tu hành cho đến viên thành Phật quả. Do đó mà Ngài phát 48 lời đại nguyện tiếp dẫn chúng sanh về với cõi Ngài. Cho nên mới có thành tựu Tây phương Cực lạc thế giới ngày nay.

Theo Kinh điển, đức Bổn sư Thích-ca có nói rõ mười pháp giới: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh, A tu la, Nhân, Thiên, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật. Như vậy, nếu tin thật có tam đồ lục đạo, sanh tử luân hồi đau khổ. Thì đương nhiên cũng phải có cõi Phật Tịnh độ an vui giải thoát.

Như sự vật trên thế gian này, con người và thế giới hiện tại đây, đều do tâm sanh diệt của chúng sanh tạo ra. Thế giới là do cộng nghiệp chiêu cảm. Thân con người là do biệt nghiệp chiêu cảm. Cho nên, đều có thành hoại, không có bền lâu. Thân người thì có sanh, lão, bệnh,

tử. Thế giới thì có thành, trụ, hoại, không. Vì nhân đã sanh diệt, thì quả không thể không sanh diệt.

Thế giới Cực lạc là A-di-đà Phật triệt để chứng ngộ tự tâm sẵn đủ của Phật tánh, tùy tâm bất khả tư nghì công đức trang nghiêm thể hiện ra. Cho nên, sự an vui đó vĩnh viễn, không có cùng tận. Ví dụ như hư không bao la trùm khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới, sâm la vạn tượng ở trong đó, thế giới tuy có thành có hoại thay đổi, mà hư không vẫn như như bất động, không có tăng giảm.

Nên biết, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, cho nên Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật khuyên người niệm Phật, cầu sanh Tây phương Cực lạc, nương nhờ đại từ bi nguyện lực của A-di-đà Phật, cùng hưởng thọ an vui bất sanh bất diệt ở cõi đó. Thân căn do liên hoa hóa sanh, không có bị khổ sanh già bệnh chết. Thế giới Cực lạc là Quốc độ y báo của A-di-đà Phật, do công đức thanh tịnh xứng tánh sở hiện, cho

nên, cõi ấy vĩnh hằng không có thành trụ hoại không.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Nếu người muốn biết rõ ba đời chư Phật, nên quán pháp giới tánh, tất cả duy tâm tạo*”. Kinh Kim Cang lại nói: “*Tất cả hữu vi pháp, như mộng huyễn, bào, ảnh, như lộ, cũng như điện, ứng tác như thị quán*”. Hàm ý trong hai kinh đều không khác. Đã là duy tâm tạo, đều là hữu vi, đã là hữu vi, đều như mộng huyễn. Tuy nhiên, hữu vi có hai: Một là, hữu vi hữu lậu, tức là lục phàm pháp giới (Trời, Người, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh). Hai là, hữu vi vô lậu, tức là tứ Thánh pháp giới (Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Phật). Mười pháp giới phàm Thánh tuy khác, cứu cánh đều do tâm tạo, mà hữu vi hữu lậu như mộng huyễn, hữu vi vô lậu là thuận theo pháp tánh. Vì vậy, không phải mộng huyễn.

Người học Phật mà không tin có cõi Phật Tịnh độ, đó là người không tin có nghiệp lực và

nhân quả, mà nếu không tin có nghiệp lực và nhân quả, tức là không thừa nhận có mười pháp giới (lục phàm tứ Thánh). Như vậy, thử hỏi, mục đích của người học Phật để làm gì?



5. NGƯỜI NIỆM PHẬT NHIỀU, TẠI SAO NGƯỜI VÃNG SANH ÍT?

Pháp môn niệm Phật cầu sanh Tịnh độ, vốn là thoát ly sanh tử đại sự. Song niệm Phật muốn thoát ly sanh tử mà không biết gốc rễ của sanh tử từ đâu, thì làm sao thoát ly? Cổ đức nói: *“Nghệp bất trọng bất sanh Ta-bà. Ái bất đoạn bất sanh Tịnh độ”*. Thế nên phải biết, gốc rễ của sanh tử là do ái căn. Mà ái căn đâu phải ở đời này mới có. Nó có từ vô thủy bắt đầu sống chết đến giờ, đời đời kiếp kiếp bỏ thân này thọ thân kia, đều do ái dục lưu chuyển. Từ xưa đến nay nó chưa từng tạm nghỉ. Cho nên, hạt giống ái tích tụ sâu dày, nên sống chết vô cùng. Nay phát tâm niệm Phật, cầu sanh Tây phương, mà không biết gốc rễ của sanh tử, niệm Phật như

thế, chẳng có liên can gì với sanh tử cả. Niệm đến lâm chung, cũng chỉ thấy ái căn sanh tử hiện tiền. Như mắt thấy vợ chồng con cháu, sự nghiệp tài sản, không một thứ nào chẳng phải là ái. Thế nên, tâm tha thiết thật vì sanh tử khổ đau, phải niệm niệm chặt đứt gốc rễ ái căn.

Nhân đây xin kể câu chuyện:

Một bà nhà giàu ở Hàng Châu đến am Hiếu Tử hỏi Đạo Nguyên Hòa thượng rằng: *“Tu pháp môn nào mà nội trong một đời chắc chắn thoát khỏi biển khổ sanh tử?”*

Hòa thượng dạy: *“Không gì hơn niệm Phật, nhưng niệm Phật không khó, mà khó ở nơi bền lâu, bền lâu chưa khó, mà khó ở nơi tâm chuyên nhất. Bà nếu có thể không quản đến tất cả thế sự, mà chuyên tâm trì niệm danh hiệu của Phật và chí thành phát nguyện vãng sanh, khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, thì được giải thoát”*. Bà nghe rồi mừng lắm, lạy tạ Hòa thượng mà về. Bà đem tất cả việc nhà giao phó lại cho dâu con, còn bà thì cất tịnh thất riêng lo tu trì.

Cách đó hơn một năm, bà đến am thưa với Hòa thượng rằng: “*Từ khi nhờ ơn Hòa thượng chỉ dạy, đệ tử bỏ cả việc nhà, chỉ chuyên lo niệm Phật. Đệ tử tự xét thấy mình cũng không thể gọi là biếng trễ, chỉ khổ nổi khó được nhất tâm. Mong Hòa thượng từ mẫn chỉ dạy thêm cho!*”

Hòa thượng nói: “*Bà tuy vất bỏ hết việc nhà, nhưng trong lòng còn tưởng nhớ đến con cháu, quyến thuộc, tình ái chưa dứt mà muốn nhứt tâm sao được! Từ nay bà phải cố gắng thêm. Trước hết, nên nhổ sạch gốc tình ái, trong tâm tất cả đều buông bỏ, rồi sau đó mới có thể được nhất tâm.*”

Bà than rằng: “*Hòa thượng nói rất đúng. Đệ tử dầu thân không quản đến gia đình, nhưng trong tâm chưa rời được. Từ nay đệ tử quyết định trăm sự không quản đến.*”

Sau khi về tịnh thất, bà tinh tấn niệm Phật hơn trước. Mỗi khi trong lòng tưởng nhớ tới gia đình, bà liền tự bảo: “*Trăm sự không quản đến!*”

Trăm sự không quản đến!” để trừ những tưởng nhớ đó. Có ai hỏi đến việc nhà, việc đời của bà, bà cũng chỉ trả lời bằng câu: “*Trăm sự không quản đến*” rồi niệm Phật. Thế nên, cái danh hiệu “*Bá Bất Quản*” truyền khắp xóm làng, và người ta không còn kêu đến tên họ cũ của bà nữa.

Cách hai năm sau, bà đến am đa tạ Hòa thượng rằng: “*Con y theo lời Hòa thượng dạy, niệm Phật đã được nhất tâm, và đã thấy Phật, không mấy hôm nữa con sẽ về Cực lạc.*”

Hai ngày sau, bà không bệnh, đoan tọa mà vãng sanh. Bấy giờ là năm Gia Khánh sơ niên.

Kệ rằng:

*Ái hà ngàn thước sóng xao
Muôn trùng biển khổ lấp đầu than ôi!
Muốn cho khỏi kiếp luân hồi
Phải mau gấp niệm Nam Mô Di-đà.*



6. TÔNG CHỈ CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ LÀ TÍN NGUYỆN HẠNH

Mục đích của người niệm Phật là cầu nguyện vãng sanh Tây phương Cực lạc, nếu không có tin chân nguyện thiết, thì niệm Phật đó không có liên quan gì đến sự vãng sanh, chỉ hưởng phước báo trời, người mà thôi. Ngẫu Ích đại sư cũng nói: “Được vãng sanh hay chẳng? Hoàn toàn y cứ nơi có tin nguyện hay không? Phẩm vị cao thấp do công phu cạn sâu”. Thế nào là tin, nguyện, hạnh?

Tín có ba phần: Một là, tin lời của đức Bổn sư Thích-ca nói, y báo chánh báo nơi Cực lạc thế giới là có thật. Hai là, tin 48 lời thệ nguyện của A-di-đà Phật, không hư dối, chúng

sanh dù có nghiệp nặng, nếu phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, thì trong một đời này, quyết định được vãng sanh Tây phương Cực lạc, bất thối thành Phật. Ba là, tin mười phương chư Phật đồng ngợi khen và gia hộ người niệm Phật.

Kinh Hoa Nghiêm cũng nói: “*Lòng tin là bước đầu vào đạo, là mẹ của tất cả công đức, lòng tin hay nuôi lớn các căn lành, lòng tin hay thành tựu quả Bồ đề*”.

Thế nên, đối với người tu, đức tin có tính cách rất quan trọng, nếu mất đức tin, chẳng những nền tảng tiến đạo phải bị sụp đổ, mà tất cả công hạnh giải thoát cũng không thành.

Nguyện: Nên thường nghĩ, ta trầm luân trong bể khổ đã quá lâu, may thay, kiếp này được thân người, lại gặp được Phật pháp, nhất là có nhân duyên gặp được pháp môn Tịnh độ này, mà không phát nguyện vãng sanh, ra khỏi luân hồi, lai sanh tất trở lại trầm luân. Kinh nói, được thân người, khó như rùa mù chui vào

bọng cây. Than ôi! Biết bao giờ mới gặp lại thân này. Cho nên phải phát nguyện, mong sao hết một báo thân này, sanh qua cõi Cực lạc, thoát ly sanh tử, viên thành Phật đạo. Cũng vì lẽ đó, cho nên trong Kinh *A-di-đà*, Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật mới nhắc đi nhắc lại đến ba, bốn lần, ân cần khuyên bảo chúng sanh phải phát nguyện sanh về cõi kia.

Vậy nên phát nguyện như thế nào mới được vãng sanh? Đức Phật dạy, phải chí thành khẩn thiết nguyện về Cực lạc thế giới. Phát nguyện xong rồi, mỗi ngày nên nhớ, tôi muốn về Tây phương Cực lạc thế giới, tôi muốn về Tây phương Cực lạc thế giới. Suốt đời tâm tâm niệm niệm nguyện lực như thế, không thay đổi, muốn đi về Tây phương Cực lạc thế giới.

Lại nữa, nếu người niệm Phật mà không có nguyện vãng sanh, thì đức Phật *A-di-đà* dù có bi nguyện rộng lớn cũng không thể cứu độ được. Ví như người mẹ hiền thương con, đem xe đến rước con về nhà, mà con không chịu lên

xe, thì mẹ cũng phải đành chịu thôi. Đó là tại con, chớ không phải tại mẹ.

Hạnh: Hạnh cũng không kém phần quan trọng vì hiện tại niệm Phật là nhân, lâm chung vãng sanh là quả. Nhân phải cho thật, quả mới không hư. Có người nghe nói chỉ cần tín nguyện chân thiết, lúc lâm chung mười niệm hay một niệm cũng được vãng sanh, rồi sanh lòng bê trễ, coi thường hành trì.

Luận Nghi nói, có mười hạng người khi lâm chung không niệm Phật được:

1. Không gặp bạn lành, nên chẳng ai khuyên niệm.

2. Nghiệp khổ bức thiết, không yên ổn rồi rảnh để niệm Phật.

3. Trúng phong cứng họng, không thể xưng danh Phật.

4. Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng niệm.

5. Thoạt gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tĩnh chí thành.

6. Bỗng gặp cọp beo, ác thú làm hại.
7. Khi lâm chung, bị bạn ác phá hoại lòng tin.
8. Gặp bạo bệnh hôn mê bất tỉnh mà qua đời.
9. Bị trọng thương thoát chết giữa quân trận.
10. Từ trên cao té xuống mà vong mạng.

Mười sự kiện trên đây là những việc thường nghe thấy, không luận là Tăng tục, nam nữ hạng nào cũng có thể bị vướng vào.

Lại khi mạng chung, tứ đại phân ly, sức nghiệp dồn dập, thân tâm bị sự khổ làm cho kinh hoàng mê loạn, e sợ khi ấy một niệm cũng không thể niệm, nói chi mười niệm. Vì thế cho nên, lịch đại chư Tổ thường răn nhắc người niệm Phật muốn nắm phần chắc trong tay nơi chín phẩm sen vàng, nên tín tâm cho sâu, nguyện cho thiết và công hạnh cũng phải chuyên cần. Ba điều kiện này quan hệ mật thiết với nhau, như cái kiềng ba chân, thiếu một chân tất đứng không vững.



7. LUÂN HỒI ĐÁNG SỢ

Người niệm Phật muốn được chuyên, để được nhất tâm, không còn tham luyến cảnh ngoài, chẳng có pháp chi kỳ lạ, chỉ đừng quên cái chết luôn rình rập bên mình, không biết xảy ra lúc nào, thường nghĩ rằng: *“Ta từ vô thủy đến nay, gây nghiệp ác vô lượng vô biên, giả sử nghiệp ấy có hình tướng, mười phương hư không chẳng thể dung chứa. Duyên đâu may mắn, nay được thân người, lại nghe được Phật pháp. Nếu không một lòng niệm Phật, cầu sanh Tây phương, khi hơi thở dứt rồi, do nghiệp ác cũ, chắc khó khỏi sa đọa vào địa ngục. Chừng ấy, phải chịu những sự khổ cùng cực, như vạc dầu, lò lửa, rừng kiếm, non đao, không biết trải bao nhiêu kiếp mới xong. Khi ra khỏi địa ngục, bởi nghiệp chưa dứt, lại đọa vào loài ngựa quỷ, bưng*

to bằng cái trống, cổ họng nhỏ như cây kim, trong miệng thường tuôn ra lửa, nhiều kiếp đói khát, không nghe được tên nước uống, cũng không lúc tạm no lòng. Hết kiếp ngựa quý, lại đọa vào nẻo súc sanh, hoặc để cho người cưỡi hay chở vật, hoặc bị bán vào lò thịt. Khi được làm người, thì ngu si không trí, dễ bề tạo nghiệp, khó nổi làm lành, chẳng mấy lúc lại bị đọa nữa, cứ mãi luân hồi trong sáu đường, trải qua kiếp số nhiều như bụi nhỏ, mệnh mang biển khổ, không biết đâu là bến bờ”. Nếu thường xét nghĩ như thế, sự tu hành sẽ được chuyên nhất.

Triệt Ngộ đại sư lại bảo, nếu thật vì sanh tử mà tâm không phát, thì tất cả khai thị đều là hý luận. Bởi trong thế gian, tất cả sự khổ, không qua sanh tử, sanh tử không rồi, sanh tử tử sanh, sanh sanh tử tử, ra bào thai này, vào bào thai kia, bỏ lớp da này, lại vào lớp da khác, khổ đã không kham, luân hồi lại chưa dứt, một niệm sai lầm, lại vào ác đạo, tam đồ dễ vô mà khó ra, địa ngục ngày dài mà khổ nặng. Đại sư lại dạy: “*Thật vì sanh tử, phát Bồ đề tâm, lấy tín*

Niệm Phật dẫn đi khỏi luân hồi

nguyện sâu, trì danh hiệu Phật”. Mười sáu chữ này là tông chỉ của pháp môn Tịnh Độ.



8. CHIA SẺ PHƯƠNG PHÁP NIỆM PHẬT

Trong Kinh A-di-đà nói, chấp trì danh hiệu A-di-đà Phật, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, thì người ấy trong lúc mạng chung, tâm không điên đảo, A-di-đà Phật cùng hàng Thánh chúng hiện thân ở trước người ấy, liền được vãng sanh cõi Cực lạc. Có nhiều người nghe thấy đoạn kinh này, tự nghĩ rằng, muốn được vãng sanh trong lúc lâm chung, theo kinh văn, phải niệm Phật hoặc một ngày hoặc cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Như vậy, mình làm sao có khả năng niệm đến tiêu chuẩn đó? Thật sự mà nói, trình độ của chúng ta, rất khó mà niệm được đến nhất tâm bất loạn.

Theo lời khai thị của Hòa thượng Thích Huệ Thiên, bây giờ chúng ta dùng phương pháp niệm một câu A-di-đà Phật bất loạn, thì dễ hơn, cứ niệm câu A-di-đà Phật mỗi chữ mỗi câu cho rành rẽ. Niệm chữ A thì phải rõ ràng chữ A, niệm chữ Di thì phải rõ ràng chữ Di, niệm chữ Đà thì phải rõ ràng chữ Đà, cho đến chữ Phật, phải rõ ràng chữ Phật. Đồng thời, lỗ tai cũng phải nghe theo tiếng niệm từng chữ, từng câu cho rành rẽ, rõ ràng, đừng bỏ sót một chữ nào. Cứ nhiếp tâm miệng niệm tai nghe liên tục như thế. Không mong cầu tự nhiên cũng sẽ được nhất tâm bất loạn. (Nếu niệm Lục tự hồng danh, thì cũng áp dụng theo phương pháp này).

Như khi xưa, Huyền Trang pháp sư đi Ấn Độ thỉnh Kinh, nếu Ngài nghĩ đến đường xa mấy vạn dặm, chắc Ngài thối tâm không dám đi. Thế nhưng, Ngài phát thệ nguyện, chẳng quản đến đường bao xa, ta cứ từng bước từng bước hướng Tây mà đi, dù cho có chết ở dọc

đường, cũng hướng Tây mà chết. Cuối cùng, Ngài đi đến Ấn Độ, hoàn thành chí nguyện.

Ngài Hạ Liên Cư là một vị lão cư sĩ uyên thâm Phật pháp, dạy rằng: Không niệm quá khứ, không niệm vị lai, chuyên niệm hiện tiền một câu A-di-đà Phật. Không cầu nhất tâm, không đoạn vọng tưởng, chỉ cần mỗi chữ, mỗi câu phân minh.

Trong Kinh Vô Lượng Thọ lại nói: “*Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, A-di-đà Phật*”. Nhất hướng chuyên niệm ở đây, với phương pháp niệm câu Phật hiệu bất loạn, ý nghĩa rất tương đồng.



9. NẸO VỀ NGUỒN GIÁC

Mọi loài chúng sanh đều có tánh giác trí huệ Như Lai. Tánh giác ấy, linh minh không tịch, xưa nay chẳng sanh cũng chẳng diệt, với Phật không hai. Ta chỉ vì vô minh bất giác, điên đảo chấp trước, vọng động không nghỉ, tạo nghiệp thọ báo, cho nên sanh tử luân hồi không ngừng. Muốn trở về chân tâm giác tánh ấy, thoát ly sanh tử, trước phải giác ngộ, phá tan vô minh. Vô minh không phá, mê nơi ngũ dục, thấy cảnh sanh tâm động niệm, thì sanh tử không thể chấm dứt được. Vậy làm sao phá tan vô minh, quy hồi lại bản tánh giác ngộ? Giải thoát sanh tử?

Đức Phật Thích-ca dạy, niệm Phật là con đường mau lẹ và an ổn nhất. Tại sao niệm Phật

là con đường mau lẹ và an ổn nhất? Vì chữ Phật có nghĩa là giác ngộ. Cho nên, một niệm Phật tức một niệm giác ngộ, niệm niệm Phật, tức niệm niệm giác ngộ, đó là thành Phật. Nói thành Phật, sự thật cũng chẳng có thêm cái gì từ bên ngoài vào, chỉ dùng công phu niệm Phật cho đến tâm Phật được tương ứng, tẩy sạch hết các thứ ô nhiễm bất tịnh trong tâm, trở lại trong sạch sáng suốt, thì tánh Phật tự nhiên hiện tiền. Vả lại, bản tánh của tất cả chúng sanh bản lai là thanh tịnh, thể như thái hư, Bát nhã huyền diệu, vốn tự tròn sáng. Lâu nay chỉ vì vọng tưởng chấp trước, bị sáu trần che lấp cái tri giác đó thôi. Cho nên, nhà Phật thường nói, người mê với bậc giác ngộ, chỉ khác nhau ở chỗ, tịnh là chư Phật, nhiễm là chúng sanh.



10. NHÂN DUYÊN QUẢ BÁO

Người với người trên thế gian này, mà có sự quan hệ với nhau, không ngoài bốn nhân duyên: Đòi nợ, trả nợ, báo ân và báo oán. Nếu nhân duyên với nhau nặng, thì kết thành vợ chồng, cha mẹ con cái, anh chị em ở chung với nhau. Nhẹ thì như bạn bè hay người sống chung quanh ta. Nếu không có bốn nhân duyên này, thì nay chúng ta chắc không quen biết nhau. Như cổ nhân nói: *“Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng”*. Đức Phật cũng nói: *“Nhân quả thông ba đời. Muốn biết cái nhân đời trước của ta làm, hãy coi quả báo của ta đời này. Muốn biết quả báo của ta đời sau, hãy coi cái nhân của ta làm đời này”*.

Xưa nay cũng thế, hễ trồng đậu thì được đậu, trồng dưa thì được dưa. Nhân quả báo ứng, mấy may không sai.

Báo ân, là con đối với cha mẹ đời trước có mang ân, vì báo ân nên đến làm con để cung dưỡng lại cha mẹ.

Báo oán, là cha mẹ đối với con đời trước có điều phụ nghĩa, nên nó mới đến làm con để báo oán.

Trả nợ, là đời trước có thiếu nợ nơi cha mẹ, vì trả nợ nên đến làm con, thiếu nhiều thì trả đến mãn đời, ít thì trả đến nửa chừng rồi xa nhau, hoặc thoát chết mất.

Đòi nợ, là đời trước cha mẹ có thiếu tiền nơi con, nay nó đến làm con để đòi lại. Số nợ ít, cha mẹ chỉ tốn tiền nuôi con cho đến khôn lớn, nếu như kỳ hạn đã trả hết thì nó tự xa lìa. Còn nếu số nợ lớn, có khi đưa con xài phá tiêu tan hết sản nghiệp.

Đây cũng xin kể lại câu chuyện:

Có đôi vợ chồng già, đời sống tuy có phần hạnh phúc, song cũng có nhiều khổ não. Tại sao lại xảy ra cuộc sống mâu thuẫn như vậy? Nói ra cũng là chuyện bình thường, sự việc này chắc cũng có nhiều người gặp phải.

Đôi vợ chồng này có hai đứa con trai, đứa lớn thì rất hiếu thảo với cha mẹ và siêng năng, nên trên đường sự nghiệp có phần thành công. Mỗi khi đi làm ăn xa thường hay viết thư hỏi thăm sức khỏe, và gửi tiền hay lễ vật về an ủi cha mẹ. Hai vợ chồng cảm thấy rất vui mừng. Bà con thân thuộc gần xa, ai cũng ngợi khen lòng hiếu thảo của đứa con này.

Đứa nhỏ thì lại tương phản, tánh tình sân si mê muội, chẳng lo làm ăn, chỉ biết xin tiền cha mẹ đi ăn chơi với những bạn bè bất lương, nhậu say rồi về nhà làm phiền cha mẹ. Hai ông bà ăn ngủ không yên, mà cũng chẳng làm gì được nó.

Một hôm, hai ông bà mang nỗi đau buồn với bạn đạo đi tham bái Cửu Hoa sơn ở tỉnh An

Huy. Ông bà vốn là Phật tử thuần thành, ở trên núi gặp được vị Thiền sư có đạo hạnh, thỉnh cầu khai thị Phật pháp, Thiền sư dùng huệ nhãn bèn nói thiền kệ: *“Con cái là nợ, có đòi nợ, có trả nợ, không nợ không đến. Vợ chồng là duyên, có thiện duyên, có ác duyên, ân oán tương báo”*.

Hai ông bà nghe xong bài pháp kệ, tâm địa liền khai sáng, lãnh ngộ được chân đế của nhân sanh.

Căn cứ Phật pháp, có quả tất có nhân, định luật nhân quả không thể tiêu diệt. Trong kinh có câu kệ: *“Giả sử trăm ngàn kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội phùng thời, quả báo hoàn tự thọ”*. Ý nói giả sử như đã qua trăm ngàn kiếp thời gian, tội nghiệp gây tạo rồi, cũng không thể tiêu diệt. Thế nhưng, trong kinh lại nói: *“Vạn pháp duyên sinh”*. Chữ “duyên” ở đây rất quan trọng, bởi giữa nhân với quả phải có cái duyên, nhân duyên hội hợp, quả mới hình thành. Cho nên, phải hiểu

rõ sự lý, nhân là nhân, duyên là duyên, quả là quả.

Đây xin lấy một công án chia sẻ với chư pháp hữu:

Có một người từng tạo rất nhiều tội nghiệp, đến bạch với vị Pháp sư rằng: *“Trước kia con đã sát sanh hại mạng, gây rất nhiều ác nghiệp, bây giờ phải làm thế nào?”* Pháp sư bèn bảo: *“Ông nên thành tâm phát lộ, phát tâm sám hối, hiện giờ chưa kết quả, đoạn duyên là được”*. Nhưng người này chỉ biết nhân với quả, không biết đạo lý duyên là gì? Pháp sư thiện xảo phương tiện, lấy một gói hạt tạt lê (loại cỏ hoa vàng, quả có gai) đưa cho ông, bảo ông đem ra ngoài sau chùa trồng chỗ hai miếng đất trống, một bên phía đông, một bên phía tây. Pháp sư lại bảo, tạt lê trồng phía đông đừng tưới nước, tạt lê trồng phía tây tưới nước mỗi ngày. Ông ấy làm theo lời dạy của Pháp sư, nửa tháng sau hạt tạt lê phía tây nảy mầm mọc lên. Tạt lê phía đông vì thiếu trợ duyên của

nước, nên không có tác động phát sanh, còn tất lê phía tây nhờ tưới nước hàng ngày làm tăng thượng duyên, nên có động lực phát sanh. Ông ấy liền khai ngộ đạo lý của nhân quả, “hữu duyên tắc sanh, vô duyên tắc diệt”.

Đây cũng xin lấy một ví dụ, như kiếp trước ta có hại người và chửi người. Ngày nay quả báo bị người hại và chửi lại. Ta nên tự suy nghĩ, chắc quá khứ mình có hại và chửi họ, nay không nên kết thêm oán thù với họ, mình phải sám hối và độ họ, lại nghĩ rằng, nếu kiếp trước mình không có gây oan trái với họ, mà họ có hành động và lời nói tổn hại ta. Kẻ đó vì mê muội, không biết nhân quả tội phước, tất phải chịu quả báo khổ, họ đáng thương hơn là đáng ghét. Nghĩ như thế, tuy có nhân đó, mà không có duyên để phát sanh quả. Nếu không có học Phật, thì theo luật tự nhiên, họ hại mình, mình sẽ hại lại, họ mắng mình, mình sẽ mắng lại. Lắm lúc vì quá sân hận, lại tạo thêm ác nhân. Như vậy nghiệp cũ chưa trả, lại tạo thêm

ngiệp mới. Cứ oan oan tương báo như thế, luân hồi vay trả trả vay, không có ngày dứt, thật là đáng sợ! Nên nhà Phật có câu: “*Bồ-tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả*”.



11. NIỆM PHẬT LÀ CHUYỂN NGHIỆP

Tâm hay tạo nghiệp, thì cũng có thể chuyển nghiệp, vì nghiệp đã do tâm tạo, tất cũng tùy theo tâm mà chuyển. Nếu mình không biết chuyển nghiệp, tức bị nghiệp trói buộc, chịu vô lượng khổ đau. Nhưng dùng tâm thế nào mới chuyển được nghiệp? Ấy là giữ tâm hợp với đạo đức, hành theo lời dạy của chư Phật Bồ-tát, vậy thì làm sao buộc được tâm?

Ví dụ, như có người đang bị nghiệp ác chuyển, chịu quả báo đau khổ. Một hôm, người ấy bỗng phát tâm tu thiện, niệm Phật, cầu sanh Cực lạc, để mau chóng quả, để độ chúng sanh, thì chuyển được quả báo Ta-bà thành Cực lạc, đổi nhục thai thành liên thai, không bao lâu sẽ

trở thành một bậc thượng thiện nhân, tướng tốt trang nghiêm, an vui tự tại nơi cõi liên hoa thất bảo. Thế thì quả báo đó tuy “định” mà trở thành “bất định”.

Nếu như người ấy tu hành nửa chừng, bỗng lần biếng trễ thối lui, thì bị nghiệp lực mạnh mẽ từ kiếp trước sai sử, rồi vẫn y nhiên là một kẻ chịu vô lượng thống khổ về thân tâm ở cõi Ta-bà, không tránh khỏi bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vậy thì quả báo từ “bất định” nay thành ra “định”.

Hỡi ai có chí thoát ly tam đồ bát nạn, há chẳng mau tỉnh ngộ mà phát tâm tinh tấn niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ?



12. MUỐN THOÁT KHỎI LUÂN HỒI PHẢI NƯỞNG PHẬT LỰC

Chúng ta là người ở trong luân hồi sanh tử, nhiều đời nhiều kiếp, sở tạo chư ác nghiệp, vô lượng vô biên. Nếu nương tự lực tu trì, muốn tiêu trừ phiền não hoặc nghiệp, liễu thoát sanh tử, khó hơn lên trời. Nếu có thể tin Phật dạy pháp môn Tịnh độ, lấy tin chắc nguyện thiết, niệm A-di-đà Phật, cầu sanh Tây phương, không luận là nghiệp nặng hay nhẹ, nương nhờ từ lực của Phật chắc chắn vãng sanh Tây phương. Ví như một hột cát nhỏ, để xuống nước liền bị chìm, nhưng dù có muôn ngàn cục đá to, để ở trong chiếc tàu lớn thì khỏi bị chìm, mà an toàn đưa qua bờ bên kia. Cục đá to ví như nghiệp nặng của chúng sanh, chiếc tàu lớn ví

như từ lực của đức Di-đà. Nếu không niệm Phật, nương nơi tự lực tu trì của mình, muốn liễu thoát sanh tử, thì phải đến cảnh giới nghiệp tận tình không mới được. Nếu không, dầu cho còn một mảy may phiền não hoặc nghiệp cũng phải luân hồi, ví như hạt cát nhỏ để xuống nước vẫn bị chìm. Lại ví như người dùng tự lực của mình mà bơi lội qua bên kia bờ biển, giữa sóng to gió lớn, chắc chắn bị chết đuối. Nếu nương vào chiếc thuyền từ bi nguyện lực của đức Phật A-di-đà, tắt bình an qua đến bờ bên kia. Đây hoàn toàn nương nhờ Phật lực, chẳng phải đạo lực của ta. Hành giả niệm Phật mà muốn bước lên thuyền từ, cần phải dự bị đầy đủ ba điều kiện: Tín, Nguyện, Hạnh. Vì đó chính là chìa khóa mở cửa cố hương Tịnh độ.

Cúi lạy Tây phương cõi Cực lạc

Tiếp dẫn từ phụ A-di-đà Phật.

Nay con phát nguyện, nguyện vãng sanh,

Duy nguyện từ bi thương nhiếp thọ.



13. THÂM TÍN NHÂN QUẢ

Mục đích tu hành là để an vui giải thoát. Cho nên phải sống theo lời dạy của chư Phật Bồ-tát, tin sâu nhân quả, tùy duyên tiêu nghiệp chướng. Trong một đời người vinh nhục, giàu nghèo, sang hèn, đặng mất thay đổi lẫn nhau. Đó là sự vay trả của luật nhân quả, nên không có gì đáng mừng, hoặc đáng buồn, hay đáng giận cả.

Xin trích lại nghi vấn của một Phật tử thỉnh cầu Ấn Quang đại sư khai thị.

Đệ tử ăn chay niệm Phật đã mấy năm, vì tin Phật, vì thập phương tam thế chư Phật sở hộ niệm, Thiên long bát bộ, đại lực thiện thân gia hộ, ác nghiệp đời trước, cũng được giảm lần, dầu có oan gia, cũng không thể hại. Đây là lời

kinh Phật nói, quyết không vọng ngữ. Cách đây ba tháng, nghe được một tin không lành, đó là bà lão họ Trương, một người Phật tử thuần thành, ăn chay niệm Phật đã hơn hai mươi năm, thường đến Cư sĩ lâm nghe kinh thuyết pháp, gặp ai cũng khuyên ăn chay niệm Phật, tâm rất từ bi hành thiện. Không ngờ một hôm, đem cơm chay cho sư huynh, đi trên đường bị xe đụng chết. Tôi nghe được tin này, trong tâm rất kinh hoàng, đến nay vẫn nghi hoặc không hiểu tại sao? Và tất cả người trong Phật hội nghe tin này cũng không an tâm. Nên gửi thư này, khẩn cầu Đại sư khai thị cho biết, vì sao lâm chung khổ như vậy? Kết quả được vãng sanh hay không? Xin cho chúng con biết để yên lòng niệm Phật, thành kính tri ân.

Đại sư đáp: Nhận được thư, biết ông đối với đạo lý Phật pháp chưa có thật hiểu sâu. Con người từ vô thủy đến nay, sở tạo chư ác nghiệp, vô lượng vô biên. Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Giả sử ác nghiệp có hình tướng, mười*

phương hư không cũng không dung chứa hết". Nên biết người tu hành chân chính không hư ngụy, thì được chuyển nghiệp; chuyển nặng thành nhẹ. Mất thịt của phàm phu, chỉ thấy sự việc lành dữ ở trước mặt, không biết quá khứ và vị lai của nhân quả thế nào. Bà lão này nhiều năm tinh tấn tu hành, một mai chết thảm, hoặc giả do khổ báo này, được tiêu diệt báo gây tạo tam đồ ác đạo, mà được sanh cõi thiện. Hoặc lúc sanh tiền có thật tín nguyện, cũng được vãng sanh Tây phương, ví như cây nghiêng hướng về phương Tây, ngã ắt theo hướng phương Tây. Nhưng tôi chưa được nhãn tha tâm đạo, không dám quyết đoán được vãng sanh hay không? Mà quyết định là làm lành tất có lành báo, làm ác có ác báo. Làm lành mà bị ác báo, đó là do quả báo ác nghiệp của đời trước, chớ không phải quả báo nghiệp lành của đời này.

Quý vị thấy bà lão bị quả báo này, trong tâm sanh nghi làm lành vô phước, thiện không

bằng tà, cho nên kinh hoàng nghi hoặc, đâu biết đó với người không hiểu Phật pháp nào có khác chi? Nếu thâm tín lời Phật dạy, quyết không có thái độ vì sự này mà kinh hoàng hoài nghi. Vì nhân quả trùng điệp vô tận, nhân này chưa báo, quả kia chín trước. Như trồng lúa trồng sớm thì thu hoạch sớm, như mắc nợ, sức nào mạnh thì dẫn đi trước. Người thiếu hiểu biết, thấy chút hiện tượng khác lạ, bèn sanh tâm nghi hoặc. Người không có thiện căn, tất thối đạo tâm. Nếu thấy người tạo ác mà được phước báo, cũng khởi tâm tà kiến như thế, không biết đều là tiền nhân hậu quả, hoặc chuyển báo sau báo nặng thành báo trước, báo nhẹ. Nghiệp chướng và nhân quả của mỗi người rất phức tạp.



14. NIỆM PHẬT QUYẾT ĐỊNH ĐỜI NGHIỆP VÃNG SANH

Nhà Phật thường nói, người tu pháp môn Tịnh độ được đời nghiệp vãng sanh, tức là còn mang nghiệp mà được sanh về Tây phương. Thế nhưng, tra trong các kinh điển Tịnh độ, chẳng thấy mấy chữ đời nghiệp vãng sanh xuất phát từ đâu? Sự việc này làm cho nhiều người tu Tịnh nghiệp hoang mang và nghi ngờ?

Để giải quyết vấn đề này, theo kinh luận, cõi Tây phương Cực lạc có chia ra Tứ thổ Cửu phẩm, nơi Phạm Thánh đồng cư thổ, chúng sanh ở cõi Ta-bà này đời nghiệp vãng sanh về đó nhiều nhất.

Trong 48 bốn nguyện của đức Phật A-di-đà, lời nguyện thứ 18 nói: *“Lúc tôi thành Phật,*

thập phương chúng sanh, chí tâm tin mộ muốn sanh về cõi nước tôi, nhẫn đến mười niệm, nếu không được sanh, thì tôi không ở ngôi Chánh giác, ngoại trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch và hủy báng chánh pháp”. Thế thì, còn các tội khác, đều được bốn nguyện đại bi của A-di-đà Phật nhiếp thọ. Vậy những chúng sanh ấy, không phải đời nghiệp vãng sanh là gì?

Cho nên, người tu Tịnh nghiệp hãy an tâm, đừng mang lòng hoài nghi, mà làm chướng ngại trên đường về Tây phương.

Tuy thế, cũng không có nghĩa là để tâm buông lung tạo nghiệp mà được vãng sanh. Khi ta chưa có học Phật, vô tâm phạm tội thì khác. Nay nếu đã quy y Tam Bảo, mà không biết ăn năn hối cải, lại còn tạo thêm nghiệp mới. Như thế, nghiệp lại cộng thêm nghiệp, và công phu tu hành không đắc lực, vậy thì làm sao mà được vãng sanh?

Theo Kinh Quán Vô Lượng Thọ, đức Phật dạy, người muốn sanh về Cực lạc, phải tu ba

thứ phước: “*Một là, hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ Sư trưởng, tâm từ bi không sát hại, tu mười nghiệp lành. Hai là, thọ trì Tam quy, giữ kỹ các giới, không phạm oai nghi. Ba là, phát lòng Bồ đề, tin sâu lý nhân quả, đọc tụng kinh Đại thừa, khuyên tấn người tu hành*”. Ba thứ phước này cũng là chánh nhân Tịnh nghiệp.

Lời phụ:

Theo Quán Kinh Sớ, người đời nghiệp vãng sanh, ở trong hoa sen nhiều kiếp, có vài điều chướng ngại, như chưa được thấy Phật cùng Thánh chúng và phải đợi đến hoa sen nở mới được Quán Thế Âm Bồ-tát và Đại Thế Chí Bồ-tát diễn nói pháp mầu. Ngoài ra, không có các sự khổ. Sớ lại nói, người này ở trong hoa sen hưởng sự an vui, như Tỳ-kheo nhập Tam thiên ở cõi trời. Cũng nên biết, người ở trong hoa sen tuy trải qua nhiều kiếp hoa mới nở, nhưng còn thắng hơn những kẻ có tội mà không chịu niệm Phật, bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu các sự thống khổ vĩnh kiếp.



15. NIỆM PHẬT CÔNG ĐỨC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

*T*rong nhà Phật, theo thông lệ vào thời khóa đầu hôm, chư Tăng Ni cùng Phật tử ở chùa đều tụng Kinh A-di-đà, tiếp theo niệm hồng danh A-di-đà cùng Quan Âm, Thế Chí. Và hàng Phật tử xuất gia hay tại gia, gặp bạn đồng tu, đều chấp tay chào mừng bằng câu “*A-di-đà Phật*”. Kinh văn nói, người nào chí tâm trì niệm danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được những điều thắng lợi khái yếu như:

- Thân khẩu ý tam nghiệp được thanh tịnh, tâm thường an lạc, viễn ly tất cả khổ não.
- Niệm niệm diệt 80 ức kiếp sanh tử trọng tội.

- Thường được đức A-di-đà phóng ánh sáng nhiếp thọ.

- Thường được thập phương chư Phật hộ niệm.

- Thường được 25 vị đại Bồ-tát, như đức Quán Thế Âm Bồ-tát theo thủ hộ.

- Ngày đêm thường được chư Thiên, đại lực Thần tướng ủng hộ.

- Lúc lâm chung, tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện tiền, được thấy A-di-đà Phật cùng Thánh chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực lạc, cùng tận kiếp vị lai, hưởng thọ sự an vui mẫu nhiệm.

Không luận là người xuất gia hay tại gia khi lâm chung, hoặc lúc đưa người quá cố, lúc cầu siêu cho vong linh, đều chí tâm niệm Từ phụ A-di-đà Phật, cầu nguyện tiếp dẫn vãng sanh Tây phương Cực lạc thế giới. Do đó, chúng ta thấy trong các pháp môn, chỉ có pháp môn niệm Phật là công đức thù thắng hơn cả,

khi sống cũng như lúc chết đều có lợi ích. Cho nên, pháp môn này phàm Thánh đều tu, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.

Đức Phật Thích-ca thường nói: *“Mọi người đều có sẵn tánh Phật, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không thể chứng được”*. Hai câu này đức Phật đã nói thẳng căn bệnh trầm kha của chúng sanh, từ vô thủy đến nay. Ngài thuyết pháp 49 năm, cũng vì mục đích phá trừ vọng tưởng chấp trước, quy hồi lại tánh Phật mà thôi. Pháp môn thì có vô lượng, duy có pháp môn niệm Phật là đơn giản, dễ tu và an ổn nhất. Bất cứ lúc nào hay ở đâu đều niệm Phật được, lại thích hợp với căn cơ của chúng sanh trong thời mạt pháp.

Vì sao pháp môn niệm Phật lại thích hợp với căn cơ của chúng sanh thời mạt pháp? Bởi vì chúng sanh nơi ngũ trược ác thế, trong thời mạt pháp này, nghiệp nặng chướng sâu, phước mỏng huệ cạn. Thời nay, ở ngoài ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) lục trần (sắc, thanh,

hương, vị, xúc, pháp) quyến rũ quá mạnh, trong tâm thì tham sân si, dục vọng nổi dậy; Thân tâm con người lại bị bát khổ hoành hành (sinh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương nhau xa lìa khổ, oan gia gặp nhau khổ, mong cầu không được khổ, năm ấm hưng thịnh khổ). Vậy mà chúng sanh vẫn ngủ say trong đêm dài vô minh. Nếu không nương nhờ nguyện lực của Phật hộ trì, làm sao giải thoát cho đặng. Pháp môn niệm Phật lại là con đường tu tắt, thẳng về tánh Phật của chúng ta, bởi Phật hiệu là danh hiệu của tánh đức, niệm câu A-di-đà Phật, tức là “xưng tánh khởi tu, toàn tu tức tánh, niệm niệm tự tánh, tánh thành Vô thượng đạo”. Nên kinh văn nói: *“Nhớ Phật niệm Phật, hiện tại vị lai, quyết định thấy Phật”*. Lại nói: *“Năng niệm của tâm lực không thể nghĩ bàn, sở niệm của Phật hiệu không thể nghĩ bàn, và bốn nguyện của A-di-đà Phật không thể nghĩ bàn”*.

Ngẫu Ích Đại sư là vị Tổ trong Liên tông lại nói: *“Pháp môn Tịnh độ là áo tạng của Kinh*

Hoa Nghiêm, bí tủy của Kinh Pháp Hoa, tâm yếu của tất cả chư Phật, chỉ nam của Bồ-tát vạn hạnh”.

Pháp môn này, Phật không ai hỏi tự nói, tu pháp môn này là lấy quả địa giác làm nhân địa tâm, cảnh giới đó thể hiện, chỉ có Phật với Phật mới biết hết. Cho nên, một câu A-di-đà Phật, vạn đức hồng danh, không pháp nào mà chẳng ở trong đó, Tam Tạng mười hai bộ kinh, không ngoài giải thích một chữ “Phật”.

Tuy nhiên, pháp môn Tịnh độ dễ tu, dễ chứng, nhưng cũng là khó nói, khó tin. Cho nên, khi đức Thích-ca nói Kinh A-di-đà đã dự biết trước chúng sanh đời mạt pháp khó sanh lòng tin tưởng, mới dẫn lời của sáu phương chư Phật để chứng minh và phát khởi tín tâm. Khi thuyết pháp gần xong, nhân nói đến chư Phật khen ngợi mình, đức Bổn sư lại bảo: “*Nên biết, Ta ở nơi đời ngũ trược làm việc khó này, đặc quả Vô Thượng Bồ đề, vì tất cả thế gian nói pháp khó tin này, thật là một điều rất khó. Hành*

giả niệm Phật nghe nói đến đoạn kinh này, ai mà không động lòng, ân đức này, dù cho thịt nát xương tan cũng không đền đáp cho vừa. Nếu mà còn không y giáo tu hành, thì nên biết nghiệp chướng của chúng ta quá sâu dày.

Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất thối Bồ-tát vi bạn hữu.



16. NIỆM PHẬT PHẢI ĐỀ PHÒNG MA NHẬP

Người niệm Phật kỳ nhất là sanh lòng mơ ước, để mau nhất tâm, đặng thấy thánh cảnh Tây phương, đó là vọng tưởng, ma sẽ thừa cơ hội len lỏi vào để phá hoại, làm hại một đời tu hành.

Người niệm Phật nếu dụng công siêng năng tinh tấn, thì niệm sẽ thuần thực quy nhất, tâm sẽ cảm thông với Phật, tự có thể thấy cảnh lành, như nước trong thì trăng hiện, đó là chuyện tự nhiên. Lại ví như lau gương, cho đến khi bụi hết gương chiếu, đừng lo không có ánh sáng, bụi chưa sạch mà muốn thấy ánh sáng của gương làm sao được. Nếu có cũng là ánh sáng của ma, chớ chẳng phải ánh sáng thật của gương.

Cho nên, chư Tổ thường khuyên bảo, hành giả tu Tịnh nghiệp, trong quá trình niệm Phật, có thấy hào quang, thấy hoa sen, ngửi được mùi thơm, hoặc thấy thắng cảnh Tây phương hay chư Phật Bồ-tát, đó là hiện tượng tốt, vì tu pháp môn Tịnh độ là từ sự tướng đi vào. Cho nên, có sự nhân quả cảm ứng, là chuyện đương nhiên, không có gì phải quá ngạc nhiên, dù không thấy cũng chẳng ngại. Bởi khi thân chúng ta lay A-di-đà Phật, A-di-đà Phật có thiên nhãn thông, nhìn thấy ngay. Khi miệng chúng ta niệm danh hiệu A-di-đà Phật, A-di-đà Phật có thiên nhĩ thông, nghe được ngay. Khi tâm chúng ta nhớ A-di-đà Phật, A-di-đà Phật có tha tâm thông, biết được ngay. Cho nên, đừng sợ không có cảm ứng đạo giao, chỉ sợ thân khẩu ý của chúng ta không tu Tịnh nghiệp mà thôi. Lại quang minh của A-di-đà Phật chiếu khắp mười phương thế giới, nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật không bỏ một ai. Cho nên, hành giả trong khi niệm Phật, chỉ nên tâm không tham luyến, ý không điên đảo là an toàn

nhất. Như khi xưa, Liên Tông sơ Tổ Huệ Viễn đại sư ở núi Lô Sơn, ba lần thấy Tây phương tam Thánh, mà không có cho ai hay, đến cuối đời, Ngài mới nói lại cho đệ tử biết.

Khi niệm Phật, tâm phải chí thành, nếu có lúc trong tâm khởi lên niềm bi cảm, như khi đang niệm Phật, bỗng nhiên cảm động phát ra thương khóc, buồn tủi thì đó cũng là hiện tượng tốt. Do vì nhiều đời trước, mình có gieo hạt giống Tịnh độ, nay nhân duyên gặp lại mà cảm kích phát ra, không nên lo sợ. Nhưng phải đề phòng nhớ kỹ đừng để cho các sự bi cảm đó xảy ra thường xuyên. Nếu không, để bi cảm như vậy hoài, thì dễ bị loài ma bi cảm nhập vào tâm khảm, khiến cho người tu, khi gặp bất cứ việc gì không đáng khóc cũng khóc, cũng buồn rầu áo não, rất là tai hại.

Người bị bệnh hoạn hay bị ma phá, đều do túc nghiệp gây ra, cho nên phải thành khẩn niệm Phật và sám hối, thì bệnh tự lành, ma tự xa lánh. Nếu không có lòng thành khẩn mà còn

khởi ra niệm sân giận, tà dâm bất chánh, thì tâm trí sẽ bị sa vào trong tối tăm tán loạn, làm sao tránh khỏi ma quỷ phá.

Lại sau khi mỗi thời khóa niệm Phật, nên nguyện đem công đức này hồi hướng cho các oan gia trái chủ, cùng tất cả chúng sanh ra khỏi cảnh khổ đau, cầu sanh cõi Cực lạc.



17. VÔ THƯỜNG KHÔNG HẸN

Năm tháng trôi qua, đêm ngày thắm thoát, mùa tiết lần lượt thay đổi, thời gian chuyển biến âm thầm, không một phút giây nào ngừng nghỉ!

Ôi! Đó có phải là Đấng tạo hóa hiện ra tướng lưỡi rộng dài, diễn nói pháp mầu, khiến cho chúng sanh thấy rõ kiếp người vô thường, vinh hoa giả tạm, để mà mau tìm đường giải thoát, cho khỏi bị trầm luân mãi mãi trong vòng sanh tử đó chăng?

Chuyện xưa, có một ông lão kia mãn thọ, chết xuống âm phủ, hồn bị giải tới trước Diêm vương. Vua y theo sổ bộ đời của ông mà xử án và định tội.

Hồn của ông lão ấy quỳ xuống tâu rằng: “*Phải chi tôi biết sớm, thật có địa ngục cùng việc xử tội như thế này, thì tôi chắc chắn đã tin theo lời kinh Phật dạy, tu theo pháp môn Tịnh độ vãng sanh rồi, khỏi nhọc công Đại vương xử án, nhưng mà tôi nghĩ một phần lỗi cũng ở nơi Đại vương, chớ phải chi Ngài mở lòng quảng đại, nhấn tin cho tôi biết trước mà tôi không chịu nghe theo để tu hành, thì hôm nay xử tội tôi mới ưng lòng. Chớ còn như Ngài chẳng dạy, cũng không nhấn tin gì hết mà giết, mà hành tội tôi, thật là oan ức biết chừng nào. Xin Đại vương thương tình thứ lỗi cho sự lỡ làm thứ nhất này”.*

Diêm vương phán rằng: “*Trẫm đã có thông tin cho người nhiều lần lắm rồi, chỉ tại người không để ý mà thôi, này để ta kể cho người nghe nhé:*

- *Tóc người muốn trở hoa râu, đó là tin thứ nhất.*
- *Răng người lung lay muốn rụng, đó là tin thứ hai.*

• *Sức khỏe người bắt đầu suy yếu, đó là tin thứ ba.*

• *Mất người lơ lạc nhìn xem không rõ, đó là tin thứ tư.*

• *Lỡ tai người lơ lảng muốn điếc, đó là tin thứ năm.*

• *Bệnh hoạn dây dưa, đau yếu rề rề, đó là tin thứ sáu.*

Trẫm đã thông báo cho người nhiều tin như vậy, sao người còn trách ngược lại trẫm không cho biết trước là thế nào?”

Ông lão ấy nghe rồi, không sao cãi lý được, đành phải chịu y theo án đã xử mà đền tội.

Lúc ấy, đến phiên hồn của một đứa con trai còn trẻ tuổi bị kêu ra xử án, nó mới quỳ lạy trước Diêm vương, khóc mà tâu rằng: “Ông già ấy được sáu lần tin thơ mà không chịu lo trước, thì tội ấy đã ứng rồi, chớ nay tôi còn nhỏ quá, chưa nhận được tin thơ nào hết, xin Đại vương rộng lòng mà tha thứ cho”.

Diêm vương phán rằng: “*Trẫm cũng đã có cho người hay nhiều tin thơ lắm chớ, người hãy nhớ lại coi, này nhé:*

- *Tên trẻ kia cũng cùng một tuổi với người, năm ấy thất cổ mà chết, đó là tin thứ nhất.*

- *Tên trẻ khác nhỏ tuổi hơn người bị chết trôi, đó là tin thứ hai.*

- *Tên trẻ nọ ở gần nhà người bị rắn cắn chết, đó là tin thứ ba.*

- *Bạn cùng lứa tuổi với người bị bạo bệnh chết, đó là tin thứ bốn.*

- *Người em họ của người bị tai nạn xe chết, đó là tin thứ năm.*

Người phải biết thấy một cỡ với người bị chết yếu như vậy, thì cũng đủ giật mình mà lo tu niệm rồi, vì đấy là tin cảnh cáo của Trẫm gửi đến đó, chớ bộ đợi Trẫm kêu tên mà nói với người hay sao? Trẫm cho người biết rằng, dẫu cho người có sức mạnh phá núi lấp sông, tài cao nâng trời vạch đất đi chằng nữa, cũng

không thoát khỏi cảnh đến trước mặt Trẫm dâu, chỉ trừ ra người nào có tu niệm theo Tịnh độ, khi lâm chung có A-di-đà Phật đến rước hồn về Tây phương Cực lạc, mới khỏi bị quyền của trẫm xử phạt mà thôi. Người ấy sau khi đã thành Phật rồi, nếu có duyên sự chi đến đây, trẫm cũng phải đứng dậy đánh lễ cung kính nữa”.

Nghe qua câu chuyện này, nay chúng ta dù không may sanh nhằm thời mạt pháp, nếu như suy ngẫm ra cho kỹ, cũng vẫn có chút duyên lành, là còn gặp được Thánh tượng, được tẩm gội trong giáo pháp Như Lai, và còn biết được ít nhiều lẽ nhân quả báo ứng, xoay vần trong sáu nẻo. Ấy cũng là ngàn muôn hạnh. Vậy chúng ta hãy cùng nguyện quyết chí tu hành, cõi trần gian giả tạm, mạng người mong manh trong hơi thở, một mai mất đi, vạn kiếp khó trở lại! Hãy mau hồi đầu quay bước chốn Tây phương Cực lạc, đó mới là quê hương trường cửu của chúng ta.

Kệ rằng:

*Ngày nay đã qua
Mạng sống giảm dần
Như cá cạn nước
Nào có vui chi
Hãy mau cố gắng
Như cứu đầu lửa
Vô thường tấn tốc
Không bê trễ được.*



18. VÀI ĐIỀU NGƯỜI LÂM CHUNG VÀ GIA QUYẾN CẦN BIẾT

*L*âm chung là những giây phút cuối cùng của một đời người. Gia quyến phải hết lòng từ ái giúp đỡ người lâm chung, thân tâm được yên lặng thanh tịnh, để giữ chánh niệm. Và nên thỉnh tượng Phật A-di-đà tiếp dẫn, hoặc Tây phương Tam thánh, để cho bệnh nhân trông thấy. Người nhà không được khóc than, buồn tủi hay rơi lệ trước mặt người lâm chung. Cũng không được để cho bạn thân đến hỏi thăm hay nói chuyện đời gần người lâm chung, và không được di động thân thể của người lâm chung. Bởi lúc ấy thân tứ đại sắp tan rã, bệnh nhân cảm thấy đau đớn. Nếu bệnh nhân tự muốn tắm gội, thay y phục hay đổi chỗ nằm, thì có thể

thuận theo, nhưng phải nhẹ tay cẩn thận mà làm. Có nhiều người tu hành phát nguyện sanh về Tây phương Cực lạc, nhưng khi lâm chung, vì bị quyến thuộc di động nhiều loạn, niệm Phật không được, rất dễ chướng ngại cho việc vãng sanh. Thuyết thăm dò hơi nóng để nghiệm xem sanh về đâu, tuy có chứng cứ, nhưng cũng không nên quá chấp. Nếu bệnh nhân bình thời tín nguyện chân thiết, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, có thể chứng nghiệm là vãng sanh. Nhiều người không kỹ, cứ mãi thăm dò, rờ chỗ này chỗ kia, làm động kẻ mạng chung, cũng có hại rất lớn. Khi ấy, có liên hữu đến trợ niệm càng tốt, nếu không có, dùng đĩa hay máy niệm Phật trợ niệm cũng được. Phương pháp này rất tiện lợi đối với những bệnh nhân ở thôn quê hẻo lánh, hoặc bệnh nhân nằm trong nhà thương, thiếu sự trợ niệm của bạn đạo. Nguyện cùng đề xướng rộng rãi phương pháp trợ duyên này, cho tất cả vong nhân, đều được thần siêu cõi Tịnh, vĩnh ly biển khổ.

Người niệm Phật khi lâm chung chớ nên sợ chết. Phải thường nghĩ rằng, thân này không sạch, chịu nhiều sự khổ. Nếu được bỏ cõi Ta-bà mà sanh về cõi Phật, thọ thân vàng kim cương, hưởng sự vui thanh tịnh, giải thoát hẳn đau khổ sanh tử luân hồi, chẳng khác nào như cởi chiếc áo rách mà đổi lấy trân phục mặc, còn gì vui mừng hơn.

Và cũng nên nhận cho rõ, thế sự vô thường, người đời khổ mộng, có hợp tất có tan. Lúc sắp mạng chung, tất cả sự đời, dù có tham luyến hay không, cũng chẳng đem theo được, bởi chính xác thân ta còn phải tan rã. Cho nên, phải xem từ tiền của, sự nghiệp cho đến cha mẹ, vợ chồng, anh em, con cháu, đều là do đời trước có nợ nần ân oán với nhau, nay mới có duyên hội giả tạm, sống tùy cảnh huyễn, chết rũ sạch không. Nếu chẳng biết lẽ này, tất sẽ ngăn trở sự giải thoát. Có nhiều người vì nắm níu tiền của hay thân nhân, nên khi sắp chết phải khó khăn, không yên tâm nhắm mắt. Do

một niệm sai lầm đó, mà phải chịu nhiều kiếp khổ luân, đâu có ai thay thế cho mình được! Nếu ta thật có lòng thương, muốn cứu giúp người thân, tốt nhất, nên buông bỏ tình trần, quyết tâm cầu giải thoát luân hồi, vãng sanh về Tây phương Cực lạc. Khi thành tựu đạo quả, có đầy đủ thần thông rồi, thừa nguyện trở lại Ta-bà, không những cứu độ được thân nhân của mình, mà còn cứu độ được cả chúng sanh nữa!

Người tu cũng không nên nghi ngờ, mình nghiệp nặng chướng sâu, hoặc công phu ít, e không được vãng sanh. Nên biết, trong kinh đức Phật đã từng dạy: *“Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật”*. Tánh Phật cũng là chân tâm của chúng ta. Do đó, chân tâm ta cùng chân tâm của Phật A-di-đà, chẳng hề khác biệt. Cho nên, tự tánh Di-đà, duy tâm Tịnh độ, ai ai cũng có phần. Niệm Phật cũng chính là trở về với tánh Phật sẵn có đó thôi. Đừng có tự khinh thường mình là phàm phu nghiệp chướng sâu dày, không được vãng sanh. Ta tuy là phàm phu mê

hoặc điên đảo, nhưng chân tâm này không hề mất, nếu một niệm hồi quang phản chiếu, giữ chắc câu Phật hiệu, phát nguyện vãng sanh, cộng thêm bốn nguyện thứ 18 của đức Phật A-di-đà nhiếp thọ, nguyện này nói rằng: *“Lúc tôi thành Phật, thập phương chúng sanh chí tâm tin mộ muốn sanh về cõi nước tôi, nhân đến mười niệm, nếu không được sanh, thì tôi không ở ngôi Chánh giác”*. Đồng thời thập phương chư Phật cùng hộ niệm, cảm ứng đạo giao, quyết định được đởi nghiệp vãng sanh. Lại nghiệp do tâm sanh, không từ ngoài đến, nay ta tâm tâm chuyên nhất, niệm niệm nơi Phật. Phật tức là tâm, tâm tức là Phật, toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, thử hỏi, nghiệp còn chỗ đâu mà xen vào? Mà không vãng sanh?

Nguyện đồng niệm Phật nhân, trong lúc lâm chung, nên tin lời Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật dạy, bám chắc câu A-di-đà Phật nơi lòng, nhất tâm quy mạng Cực lạc, cho đến hơi thở cuối cùng. Ví như ôm chắc cái phao nổi, trôi

dạt nơi biển khổ. Ở nơi biển khổ, nếu rời phao nổi là chết chìm ngay. Trăm ngàn muôn kiếp, siêu hay đọa trông mong ở giây phút tối hậu này, một niệm sai lầm, tất phải chịu nhiều kiếp khổ đau! Hãy ghi lòng tạc dạ, đừng quên!



19. ÁI DỤC LÀ GỐC LUÂN HỒI

Ái dục là chứng bệnh chung của người đời. Chẳng những hạng người trung hạ bị nó làm mê, mà bậc thượng căn, nếu không kiên cố giữ gìn, cũng khó khỏi mang hại. Xưa nay biết bao trang tuấn kiệt có thiên tư làm Thánh hiền, chỉ vì phá không nổi lớp cửa ấy, trở thành kẻ hèn ngu bất tiếu! Vô số loài hữu tình cũng vì đó mà sa đọa vào tam đồ. Trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật bảo ngài A-nan: *“Nếu chúng sanh ở sáu đường trong các thế giới dứt được lòng dâm, thì không còn bị xoay vần theo vòng sống chết. Người tu tam muội, vì cầu ra khỏi trần lao, nếu chẳng trừ lòng dâm, tất không thể nào giải thoát”*. Với người học đạo, vấn đề trọng đại là sự sống chết, nếu không mau thống

trừ căn bệnh kia, làm sao lìa nỗi khổ luân hồi? Như pháp môn niệm Phật, tuy là đời nghiệp vãng sanh, song, nếu đem lòng dâm cố kết, tất sẽ cách ngăn với Phật, đạo cảm ứng khó giao thông, cho nên cổ đức có câu: “*Ái bất đoạn bất sanh Tịnh độ*”. Muốn dứt mối họa ấy, không chỉ hơn, khi thấy tất cả người nữ, đều tưởng là thân thuộc, oan gia và nhơ nhớp.

Tưởng như thân thuộc là như thế nào? Khi thấy người nữ, tuổi cao thì tưởng là mẹ, lớn hơn mình tưởng là chị, nhỏ hơn tưởng là em, nhỏ hơn nữa tưởng là con. Người lòng dục dù mạnh, quyết không dám đối với mẹ, chị em và con sanh niệm bất chánh.

Tưởng như oan gia là thế nào? Người đời theo tình thường, khi thấy sắc đẹp liền động lòng luyến ái. Do tâm mê nhiễm ấy, nên đọa vào ác đạo, nhiều kiếp chịu khổ, không được thoát ly. Đối với mối oan gia rất lớn ấy, còn quyến luyến ưa thích, há chẳng phải là ngu mê quá lắm sao?

Tưởng như nhớt là như thế nào? Sắc đẹp chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu bóc lớp da ấy ra, thì đầy đầy xương, thịt, máu, mủ, đờm, dãi, phân ối, hôi tanh như nhớt không ai muốn nhìn! Những thứ không đáng ưa đó, chỉ vì một làn da mỏng giấu che, làm cho người lầm, sinh lòng yêu mến mà thôi.



20. KHUYÊN GIỚI SÁT, PHÓNG SANH

*K*ệ rằng:

Đại từ đại bi Phật Bồ-tát

Không từ không bi khổ chúng sanh.

Mọi người đều tiếc mạng, mỗi vật thủy tham sống. Thế thì đâu đặng giết thân nọ để nuôi miệng này! Chẳng hạn là dao bén mổ bụng hay mũi nhọn thọc tim. Hoặc lột da, cạo vảy, hoặc bửa vỏ chặt đầu, hoặc nấu tươi cá trạch, hoặc ăn sống huyết sò.

Thương thay nỗi khổ không thốt nên lời, và nỗi đau gớm ghê khó bề nhịn chịu!

Ôi! Tào làm chi cái ác nghiệp tà trời để kết thành mối thâm thù trong muôn thuở? Một

mai vô thường kê đến, liền đọa vào địa ngục, thì bị lò than, nước nóng, cây kiếm, núi đao. Khi thọ tội xong, vẫn còn làm súc loại.

Oan oan tương báo, mạng mạng xoay vần! Đến lúc làm người, nhiều bệnh, yếu sợ. Hoặc chết vì rắn, cạp, hoặc chết bởi binh đao, nếu khỏi phải tử hình cũng không ngoài thuốc độc! Đó đều do tội sát sanh mà cảm phải vậy.

Tôi nay cúi đầu khóc cảm, đau lòng mà xin nói về thế gian rằng: *“Nếu người không thể lập tức ăn chay, thì trước xin khuyên người chớ sát”*.

Nhà mà giữ giới sát, thiên thần thường thủ hộ, tai ách tiêu trừ. Thọ mạng miên trường, cháu con hiền hiếu, gặp nhiều điều lành, gia đình an vui.

Nếu được tùy sức phóng sanh, lại thêm phát tâm niệm Phật, thì chẳng những phước đức tăng trưởng, tương lai quyết sẽ tùy tâm trực vãng Tây phương, thoát hẳn nẻo luân hồi mà vào ngôi bất thoái.

Ai có duyên gặp được lời này, xin sớm hồi tâm sám hối, quyết chí thọ trì chớ sanh nghi. Như không thể làm được, tưởng cũng nên đem chỉ lại cho người khác, công đức ấy thật vô lượng!

Nếu người ăn những thứ thịt do kẻ khác bắt giết, thì ngoài sự mất giống từ bi, còn thêm tội sát sanh gián tiếp. Vì do người ăn nên mới có kẻ giết. Ăn thịt là cử chỉ xúi bẩy người giết hại sanh vật. Vì thế, nên Phật nói trong Kinh Phạm Võng rằng: “Người ăn thịt vô lượng tội”.

Cứ theo Kinh Thủ Lăng Nghiêm luận về sự luân hồi vay trả, thì ăn thịt là mầm mống sanh ra tai họa chiến tranh. Vì đã có tàn sát nhau để ăn, tất phải có tàn sát nhau để báo oán. Nguyên Vân Thiên sư từng có lời cảnh cáo về điều này:

*Trăm năm lại bát canh ngon
Oán sâu như núi, hận khó mòn
Muốn biết vì đâu nạn binh lửa!
Lò thịt, nửa đêm vắng tiếng hồn.*

Hoặc câu:

*Súc sanh thiệt trước vốn người xưa
Người vật xoay vần kiếp rước đưa
Chẳng muốn mang long cùng đái giác
(đội sừng)
Sát sanh xin khá nới tay chừa.*



21. TỊNH ĐỘ THẬP NGHỊ LUẬN

Đời Tùy, Thiên Thai Trí Giả đại sư thuyết

Hòa thượng Thích Thiên Tâm dịch

1. Hỏi: Chư Phật Bồ-tát lấy đại bi làm sự nghiệp. Vậy người đã phát tâm Bồ đề, nếu muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện trong ba cõi, ở nơi ngũ trước tam đồ cứu khổ chúng sanh. Tại sao chúng ta cầu sanh Tịnh độ, xa rời chúng sanh, tự sống nơi cảnh an ổn? Đó có phải là thiếu lòng từ bi, chuyên lo tư lợi, trái với đạo Bồ đề chăng?

Đáp: Bồ-tát có hai hạng

1) Bạc tu hành Bồ-tát đạo đã lâu, chứng được vô sanh pháp nhẫn. Với những vị này, đem những lời đó trách thì đúng.

2) Bậc chưa chứng vô sanh, và hàng phàm phu mới phát tâm Bồ-tát. Những vị này cần phải thường không rời Phật, đợi thành tựu được nhẫn lực, mới có thể ở trong ba cõi, vào đời ác để cứu độ chúng sanh. Cho nên Trí Độ luận nói: Hàng phàm phu còn đủ mọi sự ràng buộc, dù có lòng từ bi, mà vọng muốn sanh trong đời ác, để cứu chúng hữu tình khổ não, đó là điều không hợp lý. Tại sao thế? Vì trong cõi đời ác trước, phiền não mạnh mẽ lấy lừng. Khi ấy, mình đã không có nhẫn lực, tâm tất tùy cảnh mà chuyển, rồi bị sắc, thanh, danh, lợi trói buộc, tạo ra tội nghiệp đọa vào tam đồ. Lúc ấy, tự cứu đã không rồi, nói chi là cứu chúng sanh? Giả sử được sanh trong cõi người thì cảnh xấu ác, kẻ tà ngoại đạo đầy đầy, người chân tu khó gặp, Phật pháp không dễ gì nghe, hành đạo không dễ gì chứng.

Nếu người nhân bố thí, trì giới, tu phước được làm bậc quyền quý, mấy ai không mê đắm cảnh giàu sang, buông lung trong trường dục lạc?

Lúc đó, dù có bậc Thiện tri thức khuyên bảo, họ cũng không chịu tin làm theo, lại vì muốn thỏa mãn lòng tham dục của mình, nung quyền thế sẵn có, gây ra nhiều tội nghiệp. Đến khi chết rồi, đọa vào tam đồ, trải qua vô lượng kiếp, khi ra khỏi tam đồ, sanh được làm người, phải thọ thân bản tiện. Nếu không gặp Thiện tri thức lại mê lầm gây tội ác, rồi bị đọa nữa. Từ trước đến nay, chúng sanh luân hồi đều ở trong tình trạng ấy. Đây gọi là hành đạo khó vậy.

Kinh Duy Ma cũng nói: *“Chính bệnh của mình còn không tự cứu được, đâu có thể cứu được bệnh cho kẻ khác”*

Luận Trí Độ lại nói: Ví như có hai người, mỗi người đều có thân nhân bị nước cuốn trôi, một người tánh gấp nhảy xuống nước để cứu vớt, nhưng vì thiếu phương tiện, nên cả hai đều bị đắm chìm. Một người sáng tỉnh hơn, vội chạy đến lấy thuyền bơi ra cứu vớt, nên cả hai đều không bị nạn chết chìm. Bậc Bồ-tát mới

phát tâm cũng vậy, vì chưa đủ nhẫn lực, nên không thể cứu chúng sanh. Do đó, nên cần thường gần gũi Phật, chứng được vô sanh nhẫn, mới có thể cứu độ chúng sanh. Lại trong Luận nói: Như trẻ thơ không nên rời mẹ, nếu rời mẹ, đi dễ bị té xuống hầm hố, hay rơi vào giếng, hoặc đói khát mà chết. Lại như chim non chưa đủ lông cánh, chỉ có thể nhảy chuyền theo cành cây, đợi chừng nào lông cánh đầy đủ, mới có thể bay cao xa chạy, tự tại vô ngại. Phàm phu chưa có nhẫn lực, chỉ nên chuyên niệm A-di-đà Phật cho được nhất tâm, đợi khi Tịnh nghiệp thành tựu, lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh, quyết định không nghi. Khi thấy A-di-đà Phật chứng quả vô sanh rồi, chừng ấy sẽ cưỡi thuyền pháp nhẫn vào biển luân hồi, cứu vớt chúng sanh, mặc ý mà làm vô biên Phật sự.

Cho nên bậc hành giả có bi tâm, muốn cứu khổ chúng sanh nơi địa ngục, hoặc vào biển trầm luân, nên lấy nhân duyên cầu sanh Tịnh

độ. Điều này Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận gọi là hành đạo dễ.

2. Hỏi: Thể của các pháp là không, xưa nay vẫn là vô sanh bình đẳng vắng lặng. Nếu bỏ Ta-bà cầu sanh Cực lạc, há chẳng là trái đạo lý? Lại trong Kinh nói: *“Muốn cầu Tịnh độ, trước phải tịnh tâm ấy, tâm thanh tịnh, tức cõi Phật thanh tịnh”*. Như vậy, cầu sanh Tịnh độ, có trái với đạo lý này chăng?

Đáp: Vấn đề ấy có hai nghĩa, xin phân làm tổng đáp và biệt đáp.

Về phần tổng đáp, nếu ông cho rằng, cầu về Tịnh độ, tức là bỏ đây cầu kia, không hợp với lý bình đẳng trung đạo. Còn ông chấp Ta-bà không cầu về Cực lạc, há không phải thành bệnh bỏ kia chấp đây sao? Nếu ông bảo: *“Tôi không cầu kia cũng không cầu đây”*, thì lại mắc lỗi đoạn diệt. Cho nên, Kinh Kim Cang Niết Bàn nói: *“Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng, phát tâm Vô thượng Bồ đề là đoạn diệt tướng của các pháp”*. Tại sao thế? Vì phát tâm Vô thượng Bồ

đề, đối với các pháp, không nói tướng đoạn diệt.

Về phần biệt đáp, xin giải thích về lý vô sanh và tâm tịnh.

Vô sanh cũng chính là bất sanh bất diệt. Bất sanh là các pháp do nhân duyên giả hợp mà sanh, nó không có tự tánh, nên không có thật tướng sanh, cũng không phải tự nơi đâu mà đến, nên gọi là Bất sanh.

Bất diệt là khi các pháp hoại diệt, cũng không có tự tánh, không bảo rằng mình hoại diệt. Vì nó không có chỗ trở về hay dứt mất, nên gọi là Bất diệt. Cho nên, lý vô sanh hay Bất sanh diệt, không phải ngoài các pháp sanh diệt mà có. Vì thế, chẳng phải không cầu sanh Tịnh độ mà gọi là Vô sanh.

Trung Quán Luận nói: *“Các pháp nhân duyên sanh, ta nói chính là không, cũng gọi là giả danh, cũng là nghĩa trung đạo”*. Lại nói: *“Các pháp không tự sanh, cũng không từ đâu*

sanh, không phải cộng sanh cũng không phải vô nhân, nên biết đó là vô sanh”.

Kinh Duy Ma nói: *“Tuy biết các cõi Phật cùng với hữu tình không, mà thường tu Tịnh độ, để giáo hóa quần sanh”.* Lại nói: *“Ví như có người tạo lập cung điện, nếu xây cất ở chỗ đất trống, thì tùy ý không ngại, nếu muốn xây ở giữa hư không, thì không thể thành. Chư Phật thuyết pháp thường nương theo tục đế và chân đế, không phải hoại giả danh, mà nói thật tướng của các pháp”.* Cho nên người trí tuy siêng cầu sanh Tịnh độ, mà rõ sanh thể không thật có. Đây mới là chân vô sanh và cũng nghĩa là tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Trái lại, kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe sanh liền nghĩ là sanh, nghe nói vô sanh lại chấp là không có sanh về nơi nào cả, đâu biết rằng, sanh chính là vô sanh, vô sanh há ngại vì sanh? Vì không hiểu lẽ ấy, họ sanh lòng tranh chấp thị phi, khinh chê người cầu sanh Tịnh độ, thật rất sai lầm! Đây chính là kẻ tội nhân báng pháp, hạng tà kiến ngoại đạo vậy.

3. Hỏi: Tất cả cõi Tịnh độ của chư Phật ở mười phương, công đức đều bình đẳng, pháp tánh cũng như vậy. Người tu nên nhớ nghĩ đến tất cả công đức của chư Phật, cầu về các cõi tịnh ở mười phương mới phải, sao nay lại riêng cầu Tịnh độ của một đức Phật? Như vậy, cầu sanh có trái với tánh bình đẳng ư?

Đáp: Tất cả cõi tịnh của chư Phật, thật ra đều bình đẳng. Nhưng vì chúng sanh ở cõi này phần nhiều là kẻ độn căn, trược loạn, nếu không buộc tâm chuyên vào một cảnh, thì tam muội khó thành. Chuyên niệm A-di-đà Phật, tức là Nhất tướng tam muội, vì tâm chuyên nhất, nên được vãng sanh về cõi kia.

Như trong Kinh Tỳ Nguyện Vãng Sanh, Phổ Quảng Bồ-tát hỏi Phật: *“Bạch đức Thế Tôn! Mười phương đều có Tịnh độ, tại sao Thế Tôn lại riêng khen ngợi cõi Tây phương Cực lạc, và khuyên chúng sanh nên chuyên niệm A-di-đà Phật, để cầu về cõi ấy?”* Phật bảo ngài Phổ Quảng: *“Chúng sanh ở cõi Diêm phù đề,*

phần nhiều tâm trực loạn, vì thế, ta chỉ tán thán một Tịnh độ ở Tây phương của đức Phật A-di-đà. Khiến các hữu tình chuyên tâm vào một cảnh, để cho sự vãng sanh được dễ thành tựu". Nếu nhớ niệm tất cả chư Phật, vì niệm cảnh quá rộng, nên tâm mênh mông tán lạc, tam muội khó thành, không được vãng sanh. Lại sự cầu công đức của một vị Phật, cùng sự cầu công đức của tất cả chư Phật không khác nhau, vì chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên niệm A-di-đà Phật, tức là niệm tất cả Phật, sanh Tây phương Tịnh độ, tức là sanh tất cả Tịnh độ.

Vì thế, Kinh Hoa Nghiêm nói: *"Thân tất cả chư Phật là thân một đức Phật, một tâm một trí huệ, lực vô úy cũng thế"*. Lại nói: *"Ví như trăng tròn sáng, in bóng khắp sông hồ, ảnh tượng tuy vô lượng, mà mặt trăng chỉ có một. Như đấng Vô ngại trí, thành bậc Đẳng Chánh Giác, ứng hiện tất cả cõi, thân Phật không có hai"*.

Tóm lại, người có trí huệ nương nơi thí dụ

trên, sẽ hiểu được lý, một tức tất cả, tất cả tức là một. Khi hiểu được lý này, thì niệm một đức Phật, chính là niệm tất cả chư Phật vậy.

4. Hỏi: Mười phương đều có chư Phật và Tịnh độ, tại sao người tu không tùy ý niệm một đức Phật, tùy nguyện cầu sanh về một Tịnh độ khác, hà tất phải riêng niệm đức A-di-đà, cầu sanh về cõi Cực lạc?

Đáp: Phàm phu vô trí, không nên tin theo ý mình, phải tin theo lời Phật dạy. Theo lời Phật dạy là thế nào? Đức Bốn sư Thích-ca khuyên chúng sanh chuyên tâm niệm A-di-đà Phật, cầu sanh về thế giới Cực lạc. Như trong các Kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phật Thuyết A-di-đà, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm v.v... có đến mấy mươi bộ, Phật đều ân cần khuyên sanh về Tây phương, chẳng những các kinh, mà trong các luận, cùng chư Bồ-tát, Tổ sư đều bảo, nên cầu sanh về Cực lạc.

Lại nữa, A-di-đà Phật có 48 điều đại bi nguyện lực, để tiếp độ chúng sanh. Kinh Quán

Vô Lượng Thọ nói: “A-di-đà Phật có 84000 tướng, mỗi tướng có 84000 vẻ đẹp tùy hình, mỗi vẻ đẹp phóng ra 84000 tia sáng, soi khắp pháp giới, nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật không rời bỏ. Nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài, thì cơ cảm tương ứng, quyết định được vãng sanh”. Các kinh, Phật thuyết A-di-đà, Vô Lượng Thọ, Cổ Âm Vương Đà La Ni đều nói: Khi đức Thích-ca thuyết kinh, hằng hà sa chư Phật ở mười phương đều hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp cõi đại thiên, để chứng thật rằng, chúng sanh nào niệm A-di-đà Phật, tất sẽ nương nhờ đại bi nguyện lực của Ngài, quyết định được vãng sanh Thế giới Cực lạc.

Nên biết, A-di-đà Phật đối với cõi này, có nhân duyên rất lớn. Như Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trong thời mạt, khi các kinh khác đã diệt hết, chỉ còn kinh này lưu trú ở đời 100 năm, để tiếp độ loài hữu tình vãng sanh về Cực lạc”. Đây là điểm chứng minh A-di-đà Phật, đối với chúng sanh ở cõi trước này, có đại nhân duyên.

Về các Tịnh độ khác, tuy một hai bộ kinh có lược qua khuyên vãng sanh, không bằng cõi Quốc độ của đức Di-đà. Cho nên các kinh luận đều ân cần khuyên quy hướng.

5. Hỏi: Hàng cụ phước phàm phu nghiệp ác sâu nặng, đầy đầy phiền não, dù có chút ít công đức tu hành, song hoặc chướng vẫn chưa dứt hẳn. Cõi Cực lạc rất thanh tịnh trang nghiêm, còn siêu việt hơn tam giới, thế thì hạng phàm phu làm sao được vãng sanh?

Đáp: Có hai thứ duyên: Tự lực tu hành và nương tha lực tu hành. Về phần tự lực, hàng cụ phước phàm phu ở thế giới này, tuy có đôi chút tu hành, thật ra chưa có thể sanh về Tịnh độ. Kinh An Lạc nói: Từ địa vị cụ phước phàm phu, chưa biết Tam Bảo, và nhân quả thiện ác. Trước tiên, mới phát tâm Bồ đề, phải lấy tín làm gốc, đến khi vào nhà Phật, phải lấy giới làm nền tảng. Hạng phàm phu này, khi mới thọ giới Bồ-tát, nếu mỗi đời cứ tiếp tục giữ giới như thế, không cho khuyết phạm, trải qua ba

kiếp mới đến địa vị Sơ phát tâm trụ. Lại cứ như thế mà tu thập tín, Thập ba-la-mật cùng vô lượng hạnh nguyện, nối nhau không gián đoạn, mãi một vạn kiếp, mới đến ngôi Đệ lục Chánh tâm trụ. Khi tiến lên Đệ thất Bất thối trụ, tức đã là vào Chứng tánh vị, nhưng địa vị này cũng chưa được sanh về Tịnh độ. Đây là ước tính về tự lực tu hành.

Về phần nương tha lực, nếu kẻ nào tin nơi nguyện lực đại bi nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật của đức Phật A-di-đà, rồi phát lòng Bồ đề, tu niệm Phật tam muội, chán cái thân trước trong ba cõi, thật hạnh bố thí, trì giới, cùng tu các phước nghiệp, mỗi hạnh đều hồi hướng nguyện sanh Tịnh độ A-di-đà, rồi phát Bồ đề tâm, thì cơ cảm hợp nhau, nương nhờ Phật lực, liền được vãng sanh. Cho nên Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận nói: Ở thế gian này có hai lối tu: Hành đạo khó và Hành đạo dễ. Hành đạo khó là chúng sanh ở cõi ngũ trước trải qua vô lượng đời chư Phật, cầu ngôi A-bệ-bạt-trí (là danh vị

của Bồ-tát, phải tu một đại A-tăng-kỳ kiếp, mới đến được địa vị này), thật rất khó được. Nỗi khó này nhiều vô số như cát bụi, nói không thể xiết. Nay chỉ kể sơ lược năm điều:

1) Ngoại đạo dấy dậy, làm loạn Bồ-tát pháp.

2) Khó tránh khỏi bị kẻ ác phá hư thắng đức của mình.

3) Dễ bị phước báo làm điên đảo, có thể khiến hoại mất phạm hạnh.

4) Dễ bị lạc vào lối tu tự lợi của Thanh văn, làm chướng ngại lòng từ bi.

5) Bởi chỉ có tự lực không có tha lực hộ trì, nên sự tu hành khó khăn. Ví như người què yếu đi bộ một mình rất khó nhọc, một ngày chẳng qua chỉ đi được vài dặm.

Hành đạo dễ, là chúng sanh ở cõi này, nếu tin lời Phật, tu niệm Phật tam muội, nguyện về Tịnh độ, tất sẽ nhờ nguyện lực của Phật nhiếp trì, quyết định được vãng sanh, không còn nghi.

Ví như người nương nhờ sức thuyền xuôi theo dòng nước, tuy đường xa ngàn dặm cũng đến nơi không mấy chốc. Lại ví như người tầm thường nương theo luân bảo của Thánh vương, trong một ngày có thể du hành khắp thiên hạ, đây không phải do sức mình, mà chính nhờ thế lực của chuyển luân vương.

Nếu nói rằng: Hạng phàm phu hữu lậu không thể sanh về Tịnh độ và không thể thấy Phật. Nhưng nên biết, công đức niệm Phật, là xuất phát từ thiện căn vô lậu khởi lên. Cho nên, hạng hữu lậu phàm phu phát tâm Bồ đề, cầu sanh Tịnh độ và thường niệm Phật, có thể phục diệt phiền não, được vãng sanh và tùy phần thấy thô tướng của Phật. Còn bậc Bồ-tát, thì cố nhiên được vãng sanh, lại thấy tướng vi diệu của Phật, điều này không còn nghi nữa. Cho nên, Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Tất cả các cõi Phật đều bình đẳng nghiêm tịnh. Bởi vì chúng sanh hạnh nghiệp có khác, nên chỗ thấy chẳng đồng nhau”*. Đây tức là ý nghĩa đó vậy.

6. Hỏi: Hàng cụ phước phàm phu được sanh về cõi Cực lạc, giả sử tham sân si phiền não thường nổi dậy, thì làm sao vượt qua được ba cõi, lên ngôi bất thối?

Đáp: Người được sanh về Tây phương, dù là hàng cụ phước phàm phu, cũng không khi nào mà còn khởi tham sân si phiền não, hay không được lên ngôi bất thối, bởi có năm nhân duyên:

1) Do nguyện lực đại bi của A-di-đà Phật nhiếp trì.

2) Ánh sáng của A-di-đà Phật thường soi đến thân, nên Bồ đề tâm luôn luôn tăng tiến.

3) Chim, nước, hàng cây, gió đều thường phát ra tiếng nhạc nói pháp: Khổ, không, vô thường, vô ngã, khiến cho người nghe sanh lòng niệm Phật, niệm pháp, niệm Tăng.

4) Chúng sanh được vãng sanh về cõi đó, với chư Bồ-tát cùng thượng thiện nhân làm bạn lành, tuyệt tất cả chướng nạn, ác duyên, lại

không có ngoại đạo tà ma quấy nhiễu. Cho nên tham sân si phiền não không khởi.

5) Đã được sanh về cõi ấy, thì thọ mạng vô cùng, đồng với A-di-đà Phật và Bồ-tát, an nhiên tu tập trải qua A tăng kỳ kiếp.

Do năm nhân duyên thù thắng trên, cho nên chúng sanh sanh về Cực lạc, quyết được lên ngôi bất thối, lý ấy đã hiển nhiên, không có chi phải nghi ngờ.

7. Hỏi: Di Lạc Bồ-tát là bậc Nhất sanh bổ xứ, hiện ở cung trời Đâu suất, Ngài sẽ kế vị đức Thích-ca mà thành Phật trong tương lai. Thiết tưởng chúng ta nên tu thượng phẩm thập thiện, cầu sanh về nơi đó, để được thấy Ngài. Đợi đến khi Ngài giáng thế thành Phật, ta cũng theo Ngài mà hạ sanh trong tam hội Long Hoa, rồi tự nhiên sẽ được chứng thánh quả. Thế thì cần chi phải cầu sanh về Tây phương Tịnh độ?

Đáp: Cầu về Đâu suất cũng có thể gọi là nghe đạo, thấy Phật, gần giống như cầu về Tây

phương. Nhưng nếu xét kỹ lại, trong đó có sự hơn kém rất xa. Xin kể ra hai việc để luận thêm.

1) Dù chúng ta có tu thập thiện, chưa chắc đã sinh về Đâu suất. Vì Kinh Di Lặc Thượng sanh nói: *“Hành giả phải tu các môn tam muội, đi sâu vào chánh định, mới được sanh lên nội viện thiên cung”*.

Xét qua phương diện ấy, ta thấy Di Lặc Bồ-tát, không có phương tiện tiếp dẫn, đâu bằng sức bản nguyện cùng sức quang minh của A-di-đà Phật có năng lực nhiếp thủ, không bỏ sót một chúng sanh nào niệm Phật. Lại khi đức Thích-ca nói về nghĩa phương tiện tiếp dẫn trong Cửu phẩm giáo môn, Ngài đã ân cần khuyên chúng sanh nên về Cực lạc, phương tiện này rất giản dị, hành giả chỉ cần niệm A-di-đà Phật, cơ cảm hợp nhau, liền được vãng sanh. Như ở thế gian cần chiêu mộ người, nếu kẻ nào muốn gia nhập, thì cơ hội gặp nhau, sự việc liền được thành công.

2) Đâu suýt Thiên cung, dù sao cũng ở trong dục giới, nên kẻ thối vị rất nhiều. Nơi ấy, chim, nước, hàng cây, gió, không có phát ra pháp âm, khiến cho chúng sanh phục diệt phiền não, nhớ niệm Tam bảo, phát lòng Bồ đề. Trái lại, còn có nữ nhân gây chướng duyên cho tâm trước nhiệm ngũ dục của hành giả. Mà vẻ đẹp của các thiên nữ ấy lại vi diệu tuyệt vời, làm cho chư thiên nhân đắm mê, ít có vị nào tránh khỏi.

Sao bằng cõi Cực lạc, cây, nước, chim, gió thường phát ra tiếng pháp âm vi diệu, chúng sanh nghe rồi liền sanh lòng niệm Phật, phiền não tiêu trừ, đạo tâm tăng tiến. Lại cõi Tịnh độ của A-di-đà Phật, không có người nữ và kẻ phát tâm nhị thừa, chỉ thuần là những pháp lữ đại thừa thanh tịnh. Cho nên, phiền não ác nghiệp không thể phát khởi. Hành giả an tâm tu lần cho đến chứng quả vô sanh. Chỉ so sánh qua vài điều, mà sự hơn kém đã hiển nhiên, còn chi phải nghi ngờ.

Nếu cho rằng, gặp Phật Di Lặc được chứng Thánh quả, cũng chưa chắc, như khi đức Thế Tôn còn tại thế, có biết bao nhiêu chúng sanh thấy Phật, mà vẫn còn không được chứng Thánh quả? Riêng về Tịnh độ của A-di-đà Phật, chỉ được sanh về, quyết sẽ chứng vô sanh pháp nhẫn, không một kẻ nào thối trở lại tam giới, bị nghiệp sanh tử buộc ràng.

Lại nghe Tây Quốc truyện nói: Có ba vị Bồ-tát là Vô Trước, Thế Thân và Sư Tử Giác, quyết chí đồng sanh về cõi Đâu Suất. Và cùng ước hẹn rằng, sau khi tịch, nếu ai sanh lên nội viện được thấy đức Di Lặc trước, phải trở về báo cho huynh đệ biết. Ngài Sư Tử Giác quy tịch trước, trải qua thời gian mấy năm, không thấy trở lại báo tin. Kế đó Ngài Thế Thân lại tịch. Khi lâm chung, Vô Trước Bồ-tát dặn rằng: *“Sau khi bái kiến đức Di Lặc, phải trở xuống cho tôi biết ngay”*. Thế Thân Bồ-tát tịch rồi ba năm sau, mới trở lại báo tin. Ngài Vô Trước hỏi: *“Tạo sao thông báo trễ như thế?”* Thế

Thân đáp: “Sau khi tôi lễ kiến đức Di Lặc, vừa nghe Ngài thuyết pháp chỉ dạy xong, cung kính đi nhiễu ba vòng rồi trở xuống đây báo tin liền, vì một ngày đêm ở Đâu Suất bằng 400 năm nơi hạ giới, nên mới trở đến ba năm”. Vô Trước lại hỏi: “Còn Sư Tử Giác hiện ở đâu?” Thế Thân đáp: “Sư Tử Giác bị đi lạc vào ngoại viện Đâu Suất, đang say đắm cảnh ngũ dục, từ khi sanh lên đến nay, chưa được thấy đức Di Lặc”.

Xem thế thì biết, các bậc tiểu Bồ-tát sanh về Đâu Suất còn bị mê lạc, chớ nguyện sanh lên Đâu Suất.

8. Hỏi: Chúng sanh từ vô thủy đến giờ, tạo vô lượng tội, đời này chưa từng gặp Thiện tri thức, lại gây thêm nhiều ác nghiệp. Như thế, làm sao khi lâm chung mười niệm thành tựu, liền được vãng sanh? Còn sự ác nghiệp đã kết tạo, theo lý làm sao giải thích cho thông?

Đáp: Những loại nghiệp lành dữ của chúng sanh, từ kiếp vô thủy đến nay, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc yếu hoặc mạnh, thật ra vẫn

khó biết, nhưng nếu người nào khi lâm chung gặp Thiện tri thức và thành tựu mười niệm, tất kẻ ấy đã có túc thiện nghiệp. Nếu chẳng thế, thì thiện tri thức còn không được gặp, huống chi là thành tựu mười niệm? Như ông cho rằng, ác nghiệp từ vô thủy là nặng, mười niệm khi lâm chung là nhẹ, tôi xin đem ba đạo lý để giải thích sự vãng sanh ấy, không thuộc về trường hợp nặng nhẹ, cũng không phải tại công hạnh nhiều ít hay thời gian lâu mau. Ba đạo lý: Do nơi tâm, do nơi duyên, và do nơi quyết định.

Do nơi tâm, loài hữu tình khi tạo tội đều từ vọng niệm điên đảo mà sanh, còn lúc niệm Phật là từ nghe nơi danh hiệu công đức chân thật của A-di-đà Phật mà khởi, một bên hư, một bên thật, đâu thể sánh nhau! Ví như một căn phòng, đóng kín để tối muôn năm, nếu mở cửa ra cho ánh sáng mặt trời soi vào, tối ấy liền mất, đâu phải bị tối tăm ấy quá lâu mà không tiêu mất. Người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm, được vãng sanh cũng lại như vậy.

Do nơi duyên, loài hữu tình khi tạo tội đều từ tâm hư vọng si mê, duyên theo cảnh hư huyễn, điên đảo mà sanh. Còn tâm niệm Phật, là từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thật thanh tịnh của A-di-đà Phật, duyên theo Bồ đề tâm mà khởi. Như thế, một bên chân một bên ngụy, đâu thể so sánh được! Ví như có người bị trúng tên độc, ghim sâu vào thịt xương, nếu nghe được tiếng trống thần dược, thì tên độc tự bắn ra, đâu phải vì tên độc sâu nặng mà không ra được. Người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm mà vãng sanh, cũng lại như vậy.

Do nơi quyết định, loài hữu tình khi tạo tội đều do nơi tâm trước tâm sau không định. Lúc lâm chung, niệm Phật không có hai tâm đó, mà từ nơi một niệm mãnh liệt trì danh liên tục, rồi xả bỏ thân mạng, nên được giải thoát. Ví như sợi dây cực to, cả ngàn người bứt không đứt, nếu có đứa bé cầm gươm Thái A mà chém, dây liền đứt đoạn. Lại như đồng củi rất lớn chứa từ

ngàn năm, nếu có người dùng một đốm lửa mà đốt, củi liền cháy tiêu hết. Và như có người trọn đời tu mười nghiệp lành, đáng được sanh về cõi Trời, nhưng khi lâm chung kẻ ấy khởi một niệm tà kiến mạnh mẽ, liền bị đọa vào A-tỳ địa ngục. Nghiệp ác là hư vọng, mà một niệm tâm quyết liệt, còn lấn lướt nghiệp lành một đời, khiến đọa vào ác đạo. Huống chi người niệm Phật lúc lâm chung, là dùng cái tâm thuần thiện, chân thật, mãnh liệt mà không lấn áp nổi ác nghiệp hay sao? Lại kinh nói: *“Chí tâm niệm câu A-di-đà Phật, tiêu trừ tội nặng nơi đường sanh tử tám mươi ức kiếp”*. Cho nên người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt niệm Phật, phục diệt ác nghiệp, quyết được vãng sanh, không còn phải nghi ngờ!

Cổ truyền phân định, mười niệm thành tựu khi lâm chung, là thuộc về kẻ biệt thời ý (tức là người đã sẵn có túc nhân đời trước). Lý này không đúng, vì trong Nhiếp Luận nói: *“Nếu*

thuộc về túc nhân đời trước, thì chỉ cần phát nguyện, toàn không có hạnh". Tập Tập Luận nói: Nếu nguyện vãng sanh về Cực lạc, liền được vãng sanh. Nếu nghe danh hiệu Phật Vô Cấu liền chứng quả Vô thượng Chánh giác, đó mới là thuộc về biệt thời ý. Cho nên, người niệm Phật, lúc lâm chung thành tựu mười niệm, là do duyên lành gặp được Thiện tri thức dạy bảo, và tự mình chí tâm niệm Phật, mới có kết quả. Người niệm Phật nên nghĩ sâu lý này, đừng tin theo dị kiến mà để lạc lối mê.

9. Hỏi: Thế giới Cực lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, hạng phàm phu yếu kém, làm sao có thể đi đến? Lại trong Luận vãng sanh nói: *"Người nữ và kẻ căn thiếu cùng hàng Nhị thừa không sanh"*. Đã có lời ấy, thì người nữ và kẻ sáu căn không toàn vẹn, chắc là không được vãng sanh?

Đáp: Thế giới Cực lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, là đối với tâm lượng của mắt thịt hạng phàm phu trong nẻo luân hồi mà nói

thôi. Nếu đối với chúng sanh Tịnh nghiệp đã thành tựu, thì tâm ở trong định, khi lâm chung, chính là tâm thọ sanh về Tịnh độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế, trong Quán Kinh nói: “*Cõi nước của A-di-đà Phật cách đây không xa!*”. Lại tâm lực không thể nghĩ bàn, trong một niệm liền được vãng sanh về cõi Phật, không phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường, mà tâm thức đi khắp các nơi xa lạ, như lúc còn thức, sự vãng sanh về Tịnh độ cũng như vậy.

Còn câu: “*Người nữ và căn thiếu cùng hàng Nhị thừa không sanh*”, là ý nói người nữ khi sanh về Cực lạc, sẽ chuyển thành nam, kẻ căn thiếu lúc về đó các căn sẽ đầy đủ, và tất cả đều được ba mươi hai tướng tốt, chớ không phải bảo, người nữ cùng kẻ căn thiếu không được sanh. Nếu quả như thế, thì bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ đâu được Phật thọ ký sanh về Cực lạc? Thế nên, người nữ cùng kẻ đui, điếc, câm ngọng ở cõi này, nếu niệm A-di-đà

Phật, tất đều được vãng sanh. Đến như hàng Nhị thừa, nếu chịu hưởng về Đại thừa tin môn Tịnh độ, nguyện về Cực lạc, niệm A-di-đà Phật, quyết định đều được vãng sanh, và khi đã về cõi ấy, không còn chấp theo tâm lượng hẹp hòi của Nhị thừa nữa. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Tạng Tỳ-kheo, tiền thân của A-di-đà Phật đã phát nguyện rằng: *“Như tôi đắc quả Vô thượng giác, tất cả người nữ trong mười phương thế giới nhằm chán thân nữ, xưng danh hiệu tôi, nguyện kiếp sau không còn thọ nữ thân, quyết đều sẽ được toại ý. Nếu chẳng như thế, tôi thề không thành Phật”*. Người nữ chỉ vì muốn chuyển thành nam, niệm A-di-đà Phật, còn được toại nguyện, hưởng chi những vị đã sanh về Cực lạc? Cho đến những kẻ căn thiếu cũng lại như vậy.

Tóm lại, hai câu trên, đại ý chỉ bàn luận ở cõi Cực lạc, không có người nữ và kẻ căn thiếu, cùng hạng chủng tử Nhị thừa mà thôi.

10. Hỏi: Nay tôi quyết định cầu sanh về

Tây phương, nhưng chưa biết phải làm những nghiệp gì, và lấy chi làm chủng tử để được sanh về Cực lạc? Lại hàng phàm phu ở thế tục đều có gia đình, chưa biết không đoạn dâm dục, có được sanh về cõi kia chăng?

Đáp: Muốn quyết định được sanh về Tây phương, phải có đủ hai hạnh: Một là, yểm ly hạnh (hạnh chán lìa). Hai là, Hân nguyện hạnh (hạnh vui nguyện).

a - Nói hạnh chán lìa, là hạng phàm phu từ vô thủy đến nay bị ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) buộc ràng, nên luân hồi trong sáu nẻo, chịu không biết bao nhiêu nỗi khổ! Trong vòng lẩn quẩn ấy, nếu không chán lìa ngũ dục, thì làm sao có thể thoát ly? Cho nên người tu Tịnh độ, phải thường xét thân này là một khối thịt xương máu mủ, chứa đựng đàm dãi, đại tiểu tiện và các thứ nhơ nhớp hôi tanh. Kinh Niết bàn nói: *“Toàn thân như thế, chỉ có loài la-sát ngu si mới chịu ở trong đó, nếu người có trí, ai lại dấn nhiễm thân này!”*. Lại trong kinh cũng

nói: “*Thân này là nơi tập hợp của các thứ bệnh khổ. Xét cho cùng, nó không có nghĩa lý lợi ích chi khi ta chấp nó*”. Vì thế, hành giả ở trong các oai nghi hoặc đi hoặc ngồi, hoặc ngủ hay thức, nên thường quán sát, thân này chỉ có khổ, không chi vui, mà sanh tâm niệm chán lìa. Như thế, dù cho không dứt liền được việc nam nữ, cũng có thể lần lần khởi tâm nhàm chán.

Lại hành giả cũng cần nên quán xét bảy pháp bất tịnh sau đây:

1) **Chủng tử bất tịnh:** Thân này do nơi nghiệp dâm dục, từ gốc tham ái mà sanh.

2) **Thọ sanh bất tịnh:** Mầm sanh khởi của bản thân, lại do một giọt tinh huyết của cha mẹ hòa hợp, trong khi gần gũi.

3) **Trụ xứ bất tịnh:** Thai nhi nằm ở dưới ruột non và trên ruột già của mẹ

4) **Thực đạm bất tịnh:** Khi còn ở trong thai, lại thọ dụng huyết phần của mẹ.

5) **Sơ sanh bất tịnh:** Khi đã đủ ngày tháng,

thai nhi đầu hướng về sản môn, ra khỏi mình mẹ, cùng một lúc với máu mủ, sự hôi nhơ nhớp đẩy đây.

6) Cơ thể bất tịnh: Lớp da ngoài che đậy thân này, ở trong toàn là thịt xương, máu mủ, đàm dãi.

7) Cứu cánh bất tịnh: Đến khi chết rồi, thân này là một đống thịt sinh thúi rã rời, mặc cho dòi tửa, lang sói tha ăn.

Thân mình như thế, thân người khác cũng như vậy. Nên thường quán sát bảy điều ấy, đối với các thân nam nữ mà người đời cho rằng xinh đẹp, cũng sanh tâm niệm chán lìa, và lửa ái dục cũng lần lần tiêu giảm. Lại Quảng Như kinh nói: Nên phát nguyện cho mình viễn ly thân nam nữ mê nhiễm, và những thức ăn hôi thúi không sạch của ba cõi, mà nguyện sanh thân pháp tánh Tịnh độ. Trên đây gọi là hạnh chán lìa.

b - Về hạnh vui nguyện, cũng có hai điều kiện:

1) Trước nhất phải nhận rõ ý nguyện của chúng ta cầu vãng sanh về Tịnh độ, là vì muốn thoát ly sự khổ não cho mình và tất cả chúng sanh. Hành giả phải nghĩ rằng: Sức mình yếu kém, còn bị nghiệp ràng buộc, mà ở cõi đời ác trược này, cảnh duyên nào phiền quá mạnh. Ta cùng chúng sanh bị chìm đắm nơi dòng mê, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua trần kiếp, từ vô thủy đến nay, cũng vì lẽ ấy. Bánh xe sống chết quay mãi không ngừng, ta làm thế nào để tìm con đường độ mình độ người, một cách yên ổn chắc chắn? Muốn được như thế, duy có cầu sanh Tịnh độ, gần gũi Phật, Bồ-tát, nhờ cảnh duyên thắng diệu bên cõi ấy, tu hành chứng vô sanh nhẫn, mới có thể vào nơi đời ác trược, cứu khổ cho loài hữu tình, Luận Vãng sanh đã nói: *“Phát tâm Bồ đề chính là phát tâm cầu thành Phật, tâm cầu thành Phật là tâm độ chúng sanh, tâm độ chúng sanh là tâm nhiếp chúng sanh về cõi Phật”*.

Lại sự muốn sanh về cõi Tịnh độ trang

nghiêm, phải có đủ hai phương diện, xa lìa ba pháp chướng ngại Bồ đề, và y cứ ba pháp thuận theo Bồ đề. Ba pháp làm chướng ngại Bồ đề là thế nào?

Một là, hành giả phải y theo trí huệ môn mà xa lìa tâm niệm, chỉ cầu sự an vui riêng cho mình, chấp ngã và tham trước bản thân.

Hai là, hành giả phải y theo từ bi môn mà xa lìa tâm niệm, rời bỏ không chịu cứu vớt chúng sanh khổ não.

Ba là, hành giả phải y theo phương tiện môn mà xa lìa tâm niệm, chỉ biết sự cung kính cúng dường, không tìm phương tiện, làm cho chúng sanh được lợi ích an vui.

Nếu xa lìa ba pháp chướng ngại Bồ đề, thì sẽ được ba pháp thuận Bồ đề. Ba pháp thuận ấy:

Một là, vô nhiễm thanh tịnh tâm, không vì riêng mình mà cầu các sự vui. Bởi Bồ đề là thể trong sạch lìa nhiễm trước, nếu cầu sự vui riêng cho mình, tức thân tâm có nhiễm, làm

chương ngại Bồ đề môn. Cho nên, tâm thanh tịnh không nhiễm, gọi là tùy thuận Bồ đề.

Hai là, an thanh tịnh tâm, vì cứu độ tất cả khổ não chúng sanh. Bởi Bồ đề là tâm trong sạch, làm cho chúng sanh được an ổn, nếu không cứu độ loài hữu tình, khiến cho họ được lìa sự khổ sanh tử, tức là trái với Bồ đề môn. Cho nên tâm cứu khổ, đem lại an ổn cho chúng sanh, gọi là tùy thuận Bồ đề.

Ba là, lạc thanh tịnh tâm, vì muốn giúp cho chúng sanh được đại Bồ đề Niết bàn. Bởi đại Bồ đề Niết bàn là chỗ cứu cánh thường vui, nếu không khiến cho loài hữu tình được niềm vui, tức là ngăn che Bồ đề môn. Cho nên, tâm muốn cho chúng sanh hưởng cảnh thường lạc, gọi là tùy thuận Bồ đề.

Như vậy, phải lấy nhân thế nào mới được tùy thuận Bồ đề? Ấy là phải lấy nhân cầu sanh Tịnh độ, để được thương gần gũi Phật, tu hành cho đến khi chứng vô sanh nhẫn. Chừng đó, mặc ý cưỡi thuyền đại nguyện vào biển sanh

tử, vận tâm bi trí, dung thông tự tại, cứu vớt chúng sanh, không còn chi trở ngại nữa. Đây tức là tâm Bồ đề, cũng là ý nguyện cầu sanh Tịnh độ vậy.

2) Tâm hành giả, nên nhận rõ nguyện sanh Tịnh độ là phải khởi tâm Quán tưởng pháp thân hay báo thân của A-di-đà Phật, sắc vàng rực rỡ, có tám mươi bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có tám mươi bốn ngàn tia sáng, thường soi khắp pháp giới, nhiếp lấy tất cả chúng sanh niệm Phật. Lại nên quán tưởng bảy báu trang nghiêm diệu lạc, như các kinh Tịnh độ đã nói. Ngoài ra, người thường niệm Phật, khi bố thí, trì giới cùng làm tất cả hạnh lành, đều phải hồi hướng, cầu cho mình và tất cả chúng sanh đồng sanh Cực lạc. Như thế quyết định được vãng sanh, và đây gọi là vui nguyện môn vậy.



22. BÀI VĂN KHUYẾN PHÁT BỒ ĐỀ TÂM

Thiệt Hiện Đại Sư biên soạn

Hòa thượng Thích Thiên Tâm dịch

Từng nghe như vậy: Cửa yếu vào đạo, phát tâm làm đầu, việc gấp tu hành, lập nguyện trên hết. Nguyện lập tắc chúng sanh được độ. Tâm phát tắc Phật đạo sẽ thành. Nếu không phát tâm lớn, và lập nguyện cho vững chắc, thì trải qua kiếp số như vi trần, vẫn còn trong luân hồi. Tuy có tu hành, cũng là luống công khổ nhọc mà thôi.

Kinh Hoa Nghiêm nói: Quên mất Bồ đề tâm mà tu các pháp lành, đó là nghiệp ma. Bởi vì tu các pháp lành mà quên phát Bồ đề tâm, cầu vãng sanh giải thoát, thì việc tu thiện đó,

sẽ cảm thành phước báo, thọ hưởng ở nơi kiếp thứ hai. Ở nơi kiếp thứ hai này, lo vui hưởng phước báo giàu sang, vì không có trí huệ, nên không nhớ những căn lành đã vun bồi trong kiếp trước. Do đó, bị rơi vào vòng ham mê ngũ dục, phóng tâm tạo tội. Rồi chìm đắm trong lưới ma, đọa vào tam đồ ác đạo.

Cho nên muốn học Như Lai thừa, trước phải phát Bồ đề nguyện, điều này quyết không thể thiếu hay chậm trễ được.

Song, tâm nguyện của mọi người, sự tướng có sai biệt không đồng. Gồm có tám tướng trạng như sau: Tà, Chánh, Chân, Ngụy và Đại, Tiểu, Thiên, Viên.

•Tướng trạng thứ nhất

Trên đời, có hạng người tu, một bề chạy theo sự việc ngoài đời, ham thích danh vị, tham cầu lợi dưỡng dục lạc thế gian, hoặc cầu phước báo. Không biết xoay lại tham cứu chân tâm mình. Phát tâm như thế, gọi là Tà.

•Tướng trạng thứ hai

Bậc tu hành, không cầu danh lợi, không tham hưởng dục lạc hay quả báo. Chỉ vì thoát ly sanh tử, cầu đạo Bồ đề. Phát tâm như thế gọi là Chánh.

•Tướng trạng thứ ba

Niệm niệm thượng cầu Phật đạo, tâm tâm hạ hóa chúng sanh, nghe nói thành Phật lâu xa mà chẳng khởi tâm thối lui, thấy chúng sanh khó độ mà chẳng khởi tâm chán nản. Như leo lên ngọn cao vạn dặm, quyết đến tận đỉnh, như lên Bảo tháp chín tầng, quyết đến tầng cao chót. Phát tâm như thế gọi là Chân.

•Tướng trạng thứ tư

Có tội không sám hối, có lỗi chẳng biết chừa, ngoài thân sạch mà trong tâm trược, trước siêng năng sau biếng trễ. Tuy có lòng tốt mà xen lẫn lợi danh. Dù có tu pháp lành mà tham sân si không bỏ, bị tội nghiệp làm ô nhiễm. Phát tâm như thế, gọi là Ngụy.

•Tướng trạng thứ năm

Chúng sanh độ hết, nguyện tôi mới hết, Bồ đề đạo thành, nguyện tôi mới thành. Phát tâm như thế, gọi là Đại.

•Tướng trạng thứ sáu

Xem ba cõi như ngục tù, coi sống chết như oan gia, chỉ mong độ mình, không muốn độ người. Phát tâm như thế gọi là Tiểu.

•Tướng trạng thứ bảy

Thấy ngoài tâm có chúng sanh, vì Phật đạo, nguyện độ nguyện thành. Mà sự công hạnh độ tha và sự thấy biết của mình còn chấp trước không quên. Phát tâm như thế, gọi là Thiên.

•Tướng trạng thứ tám

Biết bản tánh mình với chúng sanh là một thể, nên nguyện độ thoát, rõ Phật đạo cũng không ngoài bản tánh mình, nên nguyện viên thành, chẳng thấy một pháp nào lìa tâm mà có.

Dùng tâm rộng như hư không, phát nguyện lớn như hư không, tu hạnh rộng như hư không, chứng quả như hư không. Mà cũng chẳng thấy có tướng hư không có thể được. Phát tâm như thế gọi là Viên.

Tám tướng trên đây, nếu thấy mình phát tâm Tà, Ngụy, Tiểu, Thiên, thì phải sửa. Còn nếu thấy mình phát tâm Chánh, Chân, Đại, Viên, thì nên bền chắc thêm lên. Thế mới gọi là chân chánh phát Bồ đề tâm vậy.

Bồ đề tâm này là vua trong các pháp lành, phải có nhân duyên mới phát khởi được. Nhân duyên ấy đại lược có mười thứ.

•Nhân duyên thứ nhất

“Vì nghĩ đến ân Phật”

Như đức Thế Tôn chúng ta, khi mới phát tâm vì độ chúng sanh, tu Bồ-tát đạo, trải qua vô lượng kiếp, chịu đủ các sự khổ. Lúc ta tạo nghiệp, Phật xót thương, dùng đủ phương tiện giáo hóa, mà ta ngu si, không chịu tin theo. Ta

đọa ác đạo, Phật lại càng thương, muốn thay ta chịu khổ, nhưng vì ta nghiệp nặng không thể cứu vớt được. Đến khi ta sanh làm người, Phật dùng phương tiện, khiến gieo căn lành, nhiều kiếp theo dõi, lòng không tạm bỏ. Lúc Phật ra đời, ta còn trầm luân. Nay lại được thân người, Phật đã diệt độ.

Thương ôi! Tội chi mà sanh nhằm thời mạt pháp?

Phước gì mà được dự vào hàng Tăng chúng?

Chướng chi mà không thấy được kim thân?

Phước gì mà còn gặp được Thánh tượng?

Vậy ta nên tự suy nghĩ, nếu như đời trước chẳng trồng căn lành, thì kiếp này làm sao nghe được Phật pháp? Lại như không nghe được chánh pháp, đâu biết mình thường thọ Phật ân. Ân đức này biển thẳm khôn cùng, non cao khó sánh! Nếu ta không phát Bồ đề tâm, giữ vững chánh pháp, cứu độ chúng sanh, thì

dù cho thịt nát xương tan, cũng không đền đáp được.

•**Nhân duyên thứ hai**

“Vì nhớ ân cha mẹ”

Than ôi! Cha mẹ sanh ta khó nhọc, mười tháng mang thai mỗi nặng, ba năm bú sữa mớm cơm. Đến khi ta được nên người, chỉ mong sao cho ta nối dõi tông đường, thừa tự tiên tổ. Ngờ đâu ta đã xuất gia, lạm xưng Thích tử, không dâng cơm nước, chẳng đỡ tay chân. Cha mẹ còn, ta không thể nuôi thân già. Cha mẹ mất, ta lại không dắt dìu thần thức. Chừng hồi tưởng lại, thì nước trời đã cách biệt từ dung, mộ biếc chỉ hắt hiu thu thảo. Như thế, đối với đời là một lỗi lớn. Đối với đạo lại chẳng ích chi. Hai đường đã lỗi, khó tránh tội khiên! Nghĩ như thế, thì làm sao chuộc lỗi đây? Chỉ còn có cách trăm kiếp ngàn đời, tu Bồ-tát hạnh, mười phương ba cõi, độ khắp chúng sanh.

Được như vậy, chẳng những cha mẹ một đời, mà cha mẹ nhiều đời, cũng đều nhờ độ

thoát. Chẳng những cha mẹ một người, mà cha mẹ nhiều người đều được siêu thăng.

•Nhân duyên thứ ba

“Vì tưởng ân Sư trưởng”

Đành rằng, cha mẹ tuy sinh dục sắc thân, nhưng nếu không có thầy thế gian, ắt ta chẳng hiểu biết lễ nghĩa làm người. Nếu không biết lễ nghĩa, liêm sỉ, thì nào khác chi các loài cầm thú? Lại nếu không có thầy xuất thế, tất ta chẳng am tường Phật pháp, không am tường Phật pháp, thì khác chi các hạng ngu mê?

Nay ta biết chút ít lễ nghĩa liêm sỉ, hiểu được đôi phần Phật pháp, là nhờ đâu? Huống nữa, thân giới phẩm ta đã nhuận phần đức hạnh, áo cà sa thêm rạng vẻ phước điền. Thực ra, đều nhờ ân Sư trưởng mà được. Đã biết như thế, nếu như ta cầu tiểu quả, thì chỉ có lợi ích riêng cho mình. Cho nên nay phải phát đại tâm, mới mong độ các loài hàm thức. Được như vậy, thầy thế gian mới dư hưởng phần tiếng tốt, mà thầy xuất thế, cũng thỏa ý vui mừng.

•**Nhân duyên thứ tư**

“Vì nghĩa ân thí chủ”

Kẻ xuất gia hôm nay, đồ mặc, thức ăn, đều nhờ tín thí, thuốc men, giường chiếu cũng của đàn na. Người nhọc sức cấy cày vẫn còn kém thiếu. Ta ngồi không thọ hưởng, sao nỡ an lòng? Kẻ dật may gian khổ, chẳng kể đêm hôm. Ta y phục dư thừa, há không mến tiếc? Người nhà lá vách phen, trọn đời bận rộn. Ta nền cao đèn rộng, thông thả quanh năm. Đem công sức nhọc cung cấp cho ta sự an nhàn, lòng nào vui được? Lấy tài lợi riêng giúp cho ta được no đủ, lý có hợp không?

Thế nên tự nghĩ, phải vận lòng bi trí, tu phước huệ trang nghiêm, để cho đàn tín được phước duyên, chúng sanh nhờ lợi ích. Bằng chẳng như vậy, chút hạt cơm, tấc vải đều đáp có phần. Thân nô dịch súc sanh, nợ nần phải trả.

•**Nhân duyên thứ năm**

“Vì biết ân chúng sanh”

Ta cùng chúng sanh từ vô thủy đến nay, kiếp kiếp đời đời, thay đổi nhau làm quyến thuộc, nên ta và chúng nó đều có ân nghĩa với nhau. Nay dù cách đời đổi thân, hôn mê không nhớ biết. Song cứ theo lý mà suy, chẳng thể không đền đáp được.

Loài vật mang lông đội sừng ngày nay, biết đâu, ta là con của nó trong kiếp trước? Loài bướm, ong, trùng, đế hiện nay, biết đâu đó là thân sanh tiền thế của mình? Đến như tiếng rên siết trong thành ngọc quý, giọng kêu la dưới Âm ty. Ta tuy không thấy, không nghe. Song họ vẫn van cầu cứu vớt! Ngoài Phật kinh ra, nơi đâu bày tỏ việc này? Cho nên Bồ-tát xem ong, kiến là cha mẹ quá khứ, nhìn thú cầm là chư Phật vị lai, thương nẻo khổ lâu dài, hằng lo cứu vớt. Nhớ nghĩa xưa sâu nặng, thường tưởng báo ân.

• Nhân duyên thứ sáu

“Vi tưởng khổ sanh tử”

Ta cùng chúng sanh, nhiều kiếp đến nay,

hằng ở trong vòng sanh tử, chưa từng được giải thoát, khi ở cõi này, lúc thế giới khác, khi sanh thiên cảnh, lúc sống nhân gian, siêu đọa trong phút giây, xuống lên ngàn muôn nẻo. Cửa quý sớm đi rồi chiều lại, Âm ty nay thoát, bỗng mai vào, lên non đao rừng kiếm, thân thể đứt lìa. Nuốt sắt nóng dầu sôi, ruột gan rã cháy. Khóc than trong lửa, rên siết trong băng. Muôn lần sống chết nội ngày đêm, giây phút khổ đau bằng thế kỷ!

Lúc ấy, dầu biết tội khổ, nhưng ăn năn sao kịp. Đến khi ra khỏi, vội liền quên mất, vẫn tạo tội như thường. Tâm hằng như lữ khách ruổi rong. Thân chẳng định dưỡng như cửa nhà thay đổi. Cát bụi cõi đại thiên, không tính nổi số thân luân chuyển. Nước đầy trong bốn biển, chẳng nhiều bằng giọt lệ biệt ly. Nếu không lời Phật nói, việc này ai thấy ai nghe. Thảng hoặc luyện mê như trước, chỉ e y cũ luân hồi, rồi ra muôn kiếp ngàn sanh, khó hồi một lần trăm lần. Giờ tốt vội qua chẳng trở lại, thân người dễ

mất mà khó tìm. Âm cảnh mịt mù, xót nỗi biệt ly dài dặc. Tam đồ ác đạo, thương cho thống khổ ai thay! Vậy nên phải:

*Dứt nguồn sanh tử
Cạn bể dục si
Độ thoát mình người
Đồng lên bờ giác
Muôn đời siêu đọa
Duy ở kiếp này
Không bê trễ được*

● **Nhân duyên thứ bảy**

“Vì tôn trọng tánh linh”

Tâm tánh của ta, cùng đức Thích-ca Như Lai không hai không khác. Tại sao đức Thích-ca đã thành Phật, sáng suốt tự tại. Mà ta vẫn còn là phàm phu điên đảo hôn mê? Lại nữa đức Thế Tôn có đủ vô lượng thần thông trí huệ, công đức trang nghiêm. Còn chúng ta thì đầy vô lượng phiền não, nghiệp duyên trần lụy ràng buộc?

Tâm tánh tuy vẫn một, nhưng vì mê ngộ,

nên cách vực trời. Ví như hạt bảo châu vô giá vùi dưới bùn nhơ, người xem dường như đất đá. Cho nên phải dùng vô lượng pháp lành, đối trị phiền não để tánh đức hiển bày. Ví như bảo châu được rửa sạch lau khô, treo để trên tròng cao, liền phóng quang rực rỡ. Thế mới không uổng công Phật giáo hóa, chẳng phụ tánh linh mình, xứng đáng bậc trượng phu.

• **Nhân duyên thứ tám**

“Vì sám hối nghiệp chướng”

Kinh nói: Phạm một giới nhỏ, phải đọa địa ngục bằng tuổi thọ của Tứ thiên vương. Lỗi nhỏ còn như thế, huống chi là lỗi nặng. Lại khởi tâm động niệm thường sai giới luật, lúc ăn uống thường phạm thi la. Tính ra trong một ngày, cũng đã nhiều tội rồi, huống chi là trọn đời, cho đến vô lượng kiếp về trước nữa. Nay cứ lấy ngũ giới ra xét, thì mười người đã hết chín người phạm, ít thì phát lộ, nhiều thì giấu che. Năm giới mà đã còn như thế, nói chi là các giới Sa-di, Tỳ-kheo và Bồ-tát.

Nay ta phải phát lòng thương mình, thương người, lệ rơi theo tiếng, thân khẩu thiết tha cùng với chúng sanh nguyện cầu sám hối. Còn nếu như chẳng thế, thì ngàn đời muôn kiếp, ác báo khó trừ, làm sao thoát khổ được.

• Nhân duyên thứ chín

“Vì cầu sanh Tịnh độ”

Ở cõi này tu tập, việc tiến đạo khó khăn, về Cực lạc hành trì, sự thành Phật dễ thuận. Vì dễ nên một đời liền đắc quả. Còn khó khăn, nên nhiều kiếp vẫn chưa thành. Cho nên pháp môn này Thánh trước hiền sau, người người xu hướng, ngàn kinh muôn luận, chỗ chỗ chỉ quy. Vì thế, sự tu hành giữa thời mạt pháp này, thật không chi hơn pháp môn này. Như trong kinh nói, ít căn lành khó được vãng sanh, nhiều phước đức mới về cõi Tịnh. Nhiều phước đức, không gì bằng chấp trì danh hiệu, nhiều căn lành, chẳng chi hơn phát lòng Bồ đề. Cho nên phải biết rằng, tạm trì Phật hiệu, thắng hơn bố thí trăm năm, một phát đại tâm, vượt qua tu

hành nhiều kiếp. Vả lại, niệm Phật là mong thành Phật, nếu đại tâm không phát, thì niệm Phật làm chi? Còn phát tâm vốn để tu hành, nhưng Tịnh độ chẳng cầu, thì dù cho có phát cũng dễ bề thối chuyển.

Cho nên, gieo hạt giống Bồ đề, cày耩 cày niệm Phật, thì đạo quả sẽ tự nhiên tăng tiến, nương chiếc thuyền đại nguyện vào biển Tịnh độ, ắt Tây phương quyết định được sanh về.

• Nhân duyên thứ mười

“Vì hộ trì chánh pháp”

Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp đến nay, vì chúng ta mà tu đạo Bồ đề, Ngài đã làm việc khó làm, nhin điều khó nhin. Cho nên mới được công tròn quả mãn, thành đấng Như Lai. Sau khi thành Phật, nhân duyên giáo hóa đã xong, liền vào Niết bàn. Nay chánh pháp đã qua, tượng pháp lại hết, chỉ còn lại thời mạt pháp, tuy có kinh giáo, mà không kẻ đắc thành. Thời nay, lại tà chánh chẳng phân, thị phi lẫn

lộn, tranh đua nhân ngã, đeo đuổi lợi danh. Cho nên Tam Bảo chẳng còn thiết nghĩa. Suy tàn tội tệ, không nỡ thốt lời. Khi nghĩ đến đây, khó cầm giọt lệ. Ta là Phật tử, mà không báo được ân Phật, trong không ích cho mình, ngoài không ích cho người, sống không ích dương thế, chết không ích đời sau. Suy nghĩ như vậy, đau lòng xót dạ, vội phát lòng Bồ đề, nguyện nguyện độ sanh, tâm tâm cầu Phật, thể hết báo thân này, sanh về Cực lạc. Mong sao khi chứng quả, trở lại Ta bà, khiến cho Phật nhật rạng soi, pháp môn rộng mở, Tăng hải đẹp thanh nơi cõi trước, nhân dân tu đức ở phương đông, kiếp vận nhờ đó mà kéo dài, chánh pháp do đây được vững bền.

Như trên, tám điều phát tâm đã rõ, mười duyên đã biết, nên phát tâm đúng chỗ, phương hướng đúng nơi. Trông mong đại chúng, đồng lập đại nguyện, đồng phát đại tâm. Nếu như chưa phát, thì nay phát, đã phát thì tăng thêm. Chớ thấy khó mà thối chí, chớ thấy dễ mà

khinh thường, chớ nên muốn mau mà chẳng bền lâu, chớ nên biếng trễ mà không tiến lên, cũng đừng vì ngu dốt mà vô tâm, đừng vì trí cạn mà tự hiềm vô phần.

Ví như trồng cây, trồng lâu rồi cạn ngày càng sâu, lại như mài dao, mài lâu thì lưỡi lứt thành bén. Đâu nên vì rễ cây cạn mà bỏ khô, không vun tưới, dao lứt mà để hư phế! Còn như cho tu hành là khổ, đâu biết, biếng trễ lại càng khổ hơn. Tu hành tuy siêng nhọc tạm thời, nhưng an vui mãi mãi, biếng trễ tuy nhàn một kiếp, mà chịu khổ đời đời.

Hướng nữa, đã dùng Tịnh độ làm thuyền bè, đâu lo gì thối chuyển, lại được vô sanh làm sức nhẫn, thì há gì sợ gian nan.

Chớ nên bảo rằng, một niệm nhỏ nhất, tưởng là nguyện suông vô ích, nên biết, tâm chân thì sự thành, nguyện lớn tắc hạnh sâu. Hư không chẳng lớn bằng tâm vương, kim cương chẳng bền chắc bằng nguyện lực. Đại chúng nếu không chê bỏ lời này, nguyện cùng làm

quyến thuộc Bồ đề, bạn lành nơi chín phẩm
liên hoa.

Cùng nguyện:

*Đồng sanh Tịnh độ
Đồng thấy Di-đà
Đồng hóa chúng sanh
Đồng thành chánh giác.*

Rồi an tâm sẽ biết, tương lai 32 tướng tốt,
trăm phước trang nghiêm, bắt đầu từ hôm nay,
phát tâm lập nguyện vậy.



23. TỊNH ĐỘ THI

1. Đường Tịnh khuyên mau cất bước ngay
Mạng người hô hấp bảo cho hay
Nghìn vàng tắc bóng nên yêu tiếc
Siêu, đọa trông mong một kiếp này
Thân tàn quang cảnh có bao mà
Bọt nước, làn sương một sát-na
Gió lạnh riêng thương thu quạnh quẽ
Lá vàng những xót tuổi suy già
Tắm lòng để sạch, hư danh mất
Tay chuỗi lần theo tiếng Phật qua
Trân trọng khuyên ai nên gắng sức
Chớ cho muôn kiếp lụy Ta-bà

2. Rồi đây tóc bạc khởi suy già

Bao kiếp trầm luân đã trải qua

Nay tịnh thân tâm chuyên niệm Phật

Lòng thành ước mộng thấy Di-đà

Vô thỉ tử sanh thề nguyện dứt

Tịnh độ liên hoa ấy cảnh nhà

Cõi tạm Ta-bà xin trả lại

Từ nay theo Phật về trời Tây.



HỒI HƯƠNG

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có người thấy nghe
Đều phát Bồ đề tâm
Hết một báo thân này
Đồng sanh cõi Cực Lạc.



MỤC LỤC

1. Tâm Phật và chúng sanh không có khác	13
2. Sanh tử đại sự.....	17
3. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả	23
4. Cảnh Tây phương Cực lạc là thật hay giả?.....	26
5. Người niệm Phật nhiều, tại sao người vãng sanh ít?.....	31
6. Tông chỉ của pháp môn Tịnh độ là Tín Nguyện Hạnh.....	35
7. Luân hồi đáng sợ	40
8. Chia sẻ phương pháp niệm Phật	43
9. Nẻo về nguồn giác	46
10. Nhân duyên quả báo	48
11. Niệm Phật là chuyển nghiệp	55
12. Muốn thoát khỏi luân hồi, phải nương Phật lực.....	57
13. Thâm tín nhân quả.....	59
14. Niệm Phật quyết định đời nghiệp vãng sanh.....	63
15. Niệm Phật công đức không thể nghĩ bàn.....	66
16. Niệm Phật phải đề phòng ma nhập	72
17. Vô thường không hạn	76
18. Vài điều người lâm chung và gia quyến cần biết.....	82
19. Ái dục là gốc luân hồi	88
20. Khuyên giới sát, phóng sanh	91
21. Tịnh độ Thập Nghi luận	95
22. Bài văn khuyến phát Bồ đề tâm	129
23. Tịnh độ thi	147



NAM MÔ HỘ PHÁP TẠNG BỒ TÁT

NIỆM PHẬT

Dẫn đi khỏi Luân hồi

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập : CẨM HỒNG
Sửa bản in : HỒNG ANH
Trình bày và Bìa : CHÙA HOẰNG PHÁP

Thực hiện liên kết: CHÙA HOẰNG PHÁP

In 1.000 cuốn, khổ 14x20 cm.

Tại CÔNG TY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM, Quận 3, Tp. HCM.

Số Đăng ký kế hoạch xuất bản: 229-12/CXB/224-17/THTPHCM

Quyết định xuất bản: 981/QĐ-THTPHCM-2012, ngày 23.07.2012

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2012

“**W**herever the Buddha’s teachings have flourished,
either in cities or countrysides,
people would gain inconceivable benefits.
The land and people would be enveloped in peace.
The sun and moon will shine clear and bright.
Wind and rain would appear accordingly,
and there will be no disasters.
Nations would be prosperous
and there would be no use for soldiers or weapons.
People would abide by morality and accord with laws.
They would be courteous and humble,
and everyone would be content without injustices.
There would be no thefts or violence.
The strong would not dominate the weak
and everyone would get their fair share.”

※ **THE BUDDHA SPEAKS OF
THE INFINITE LIFE SUTRA OF
ADORNMENT, PURITY, EQUALITY
AND ENLIGHTENMENT OF
THE MAHAYANA SCHOOL** ※

**With bad advisors forever left behind,
From paths of evil he departs for eternity,
Soon to see the Buddha of Limitless Light
And perfect Samantabhadra's Supreme Vows.**

**The supreme and endless blessings
of Samantabhadra's deeds,
I now universally transfer.
May every living being, drowning and adrift,
Soon return to the Pure Land of
Limitless Light!**

~The Vows of Samantabhadra~

**I vow that when my life approaches its end,
All obstructions will be swept away;
I will see Amitabha Buddha,
And be born in His Western Pure Land of
Ultimate Bliss and Peace.**

**When reborn in the Western Pure Land,
I will perfect and completely fulfill
Without exception these Great Vows,
To delight and benefit all beings.**

**~The Vows of Samantabhadra
Avatamsaka Sutra~**

NAME OF SPONSOR

助印功德芳名

Document Serial No : 104508

委印文號:104508

書名：越文：念佛-可以出離輪迴

Book No.,書號：VI228

N.T.Dollars：

60,000：AMITABHA BUDDHIST SOCIETY OF U.S.A.

Total: N.T. Dollars 60,000 ; 4000 copies.

以上合計:台幣 60,000 元 ; 恭印 4000 冊。

Place to contact and order in North America :

AMITABHA BUDDHIST SOCIETY OF U.S.A.

650 S. BERNARDO AVE, SUNNYVALE, CA 94087, U.S.A.

TEL:408-736-3386 FAX:408-736-3389

<http://www.amtb-usa.org>

Email:info@amtb-usa.org

DEDICATION OF MERIT

May the merit and virtue
accrued from this work
adorn Amitabha Buddha's Pure Land,
repay the four great kindnesses above,
and relieve the suffering of
those on the three paths below.
May those who see or hear of these efforts
generate Bodhi-mind,
spend their lives devoted to the Buddha Dharma,
and finally be reborn together in
the Land of Ultimate Bliss.
Homage to Amita Buddha!

NAMO AMITABHA

南無阿彌陀佛

【越文：念佛-可以出離輪迴】

財團法人佛陀教育基金會 印贈

台北市杭州南路一段五十五號十一樓

Printed and donated for free distribution by

The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation

11F., 55 Hang Chow South Road Sec 1, Taipei, Taiwan, R.O.C.

Tel: 886-2-23951198 , Fax: 886-2-23913415

Email: overseas@budaedu.org

Website: <http://www.budaedu.org>

Mobile Web: m.budaedu.org

This book is strictly for free distribution, it is not to be sold.

KINH ẤN TỔNG KHÔNG ĐƯỢC BÁN

Printed in Taiwan

4,000 copies; December 2015

VI228-13723



